

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐOÀN KIỂM TRA ĐỘT
XUẤT VIỆC TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN CHỨC NĂNG,
NHIỆM VỤ CỦA TRƯỜNG
CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Quyết định số 1243/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ sung thành viên và gia hạn thời gian kiểm tra của Đoàn kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Đoàn kiểm tra);

Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã làm việc với trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) và tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp các nội dung kiểm tra.

Sau đây là kết quả kiểm tra:

1. Thời gian làm việc của Đoàn kiểm tra

- Từ ngày 22 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 4 năm 2025 và từ ngày 15 tháng 5 năm 2025 đến ngày 13 tháng 6 năm 2025: Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan đến các nội dung phản ánh tại Trường.

- Từ ngày 14 tháng 6 năm 2025 đến ngày 04 tháng 7 năm 2025, Đoàn kiểm tra tiến hành xử lý thông tin, số liệu và xây dựng Dự thảo Biên bản kiểm tra.

- Ngày 07 tháng 7 năm 2025, Đoàn kiểm tra và Trường ký Biên bản kiểm tra.

- Ngày 17 tháng 7 năm 2025, Trường có báo cáo số 506/BC-LTT-TC về việc trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thông tin ý kiến về một số nội dung trong Biên bản kiểm tra việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo các minh chứng bổ sung)

- Từ ngày 18 tháng 7 năm 2025 đến ngày 18 tháng 8 năm 2025, thành viên Đoàn kiểm tra rà soát, đối chiếu hồ sơ minh chứng bổ sung, thông tin giải trình

của trường tại Báo cáo số 506/BC-LTT-TC và Biên bản kiểm tra ngày 07 tháng 07 năm 2025.

- Từ ngày 18 tháng 8 năm 2025 đến ngày 12 tháng 9 năm 2025, Đoàn kiểm tra hoàn thiện Báo cáo kiểm tra, xây dựng dự thảo Công văn báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các nội dung phản ánh liên quan đến hoạt động của trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Về việc thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của trường

Việc sai phạm trong công tác cán bộ của Trường (khai báo lý lịch không trung thực và gian lận sức khỏe để được bổ nhiệm, bổ nhiệm người thân là anh em ruột và các trường hợp sử dụng bằng cấp không hợp pháp, tự thành lập tổ xác minh và Điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tạm đình chỉ chức vụ viên chức và gia hạn thời gian tạm đình chỉ chức vụ viên chức,...), cụ thể:

- Bổ nhiệm người thân không đủ năng lực: ông Phan Hữu Tước (em ruột nguyên Hiệu trưởng Phạm Hữu Lộc); ông Phạm Hữu Tấn (anh ruột nguyên Hiệu trưởng Phạm Hữu Lộc);

- Bổ nhiệm ông Lương Xuân Thịnh sai quy định, vi phạm khoản 3 Điều 24 của Thông tư 15/2021/TT-BLĐTBXH

- Viên chức sử dụng bằng cấp, chứng chỉ không hợp pháp: ông Nguyễn Trọng Nghĩa (sử dụng bằng cấp do nước ngoài cấp); ông Lương Xuân Thịnh (chứng chỉ ngoại ngữ giả).

- Về công tác giảng dạy thì giảng viên cơ hữu của Trường ngoài việc dạy vượt định mức khối lượng chuẩn và 200 giờ, giảng viên cơ hữu còn ký hợp đồng thỉnh giảng dạy với số lượng giờ trên 500 giờ/giảng viên.

- Tự ý thành lập Tổ xác minh, bất chấp quy trình; Tổ xác minh hoạt động không đúng quy trình;

- Điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy;

- Tạm đình chỉ chức vụ đối với ông Lâm Viết Dũng; Thành lập Hội đồng xét kỷ luật viên chức đối với ông Lâm Viết Dũng trái quy định.

2.2. Về việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ TOEIC

Tổ chức thi TOEIC trái phép, thu lợi bất chính, gây thiệt hại nghiêm trọng cho sinh viên, trong đó tổ chức thi TOEIC rất nhiều lần cho hàng chục ngàn sinh viên của trường và sử dụng ngân hàng đề thi TOEIC không có bản quyền. Trung tâm Đào tạo – Quản lý chất lượng không công nhận chứng chỉ TOEIC do các đơn vị uy tín cấp, buộc sinh viên phải thi lại.

2.3. Về công tác quản lý tài chính và miễn giảm học phí của trường

- Trường thực hiện việc tạm thu học phí của người học năm 2020, 2021 đối với người học thuộc đối tượng miễn học phí 100% theo Nghị định số 86/2015/NĐ-

CP và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Quản lý, sử dụng khoản tạm thu không đúng quy định, thiếu minh bạch. Có dấu hiệu chiếm đoạt khoản tạm thu khi người học nghỉ học thời gian dài mà không được xóa tên.

- Cắt xén chương trình để lấy tiền sinh viên thông qua học phí.
- Có dấu hiệu trục lợi ngân sách khi tuyển sinh và báo cáo khống số lượng học sinh; giữ tên học sinh trong danh sách đang theo học mặc dù đã bỏ học lâu dài.

2.4. Về công tác quản lý và sử dụng tài sản công

Nhà trường sử dụng tài sản công nhằm mục đích cho thuê không qua đấu thầu, cụ thể:

- Cho thuê trái phép, không đấu thầu: nhà giữ xe máy của sinh viên, Căn tin, Tòa nhà KONE, Sân bóng đá, bóng rổ;
- Cho Công ty CP Global Peace International thuê ký túc xá, ký hợp đồng với công ty cho sinh viên thuê wifi và máy giặt tại ký túc xá;
- Cho các công ty thuê phòng học trái phép, không đấu thầu

2.5. Về hoạt động giáo dục nghề nghiệp

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng và xét tốt nghiệp cùng lúc 2 trình độ Trung cấp và Cao đẳng.
- Cắt xén nội dung của một số môn học nhưng vẫn thu học phí đầy đủ của sinh viên (Môn tiếng Anh: 120 tiết nhưng thực tế chỉ tổ chức 75 tiết; Môn phần mềm chuẩn đoán kỹ thuật ô tô: chỉ tổ chức 15 tiết);
- Liên kết đào tạo trái phép với các Trung tâm Giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong năm 2023 và năm 2024;
- Trường ban hành Quy chế đào tạo nhưng thực hiện không đúng với các quy định do Trường ban hành.
- Tổ chức xây dựng, biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo không đúng quy định. Có dấu hiệu làm giả hồ sơ, khai khống thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước để đủ thành phần và các thành viên này chưa từng tham dự thẩm định chương trình đào tạo theo biên bản thẩm định.
- Tổ chức lớp trung cấp tin học cho đội ngũ nhà giáo không đảm bảo quy định, người ký bằng không đúng thẩm quyền.
- Các môn học thực hành không tổ chức thi kết thúc môn học mà chỉ lấy điểm kiểm tra làm điểm môn học.

3. Khái quát đặc điểm tình hình Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh

3.1. Tổng quan

- Địa chỉ trụ sở chính: 390 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM

- Địa điểm đào tạo: Không
- Website: lytutronglttc.edu.vn
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Họ và tên Hiệu trưởng: Không có
- Họ và tên Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường: Đinh Văn Đệ.
- Họ và tên Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo: Châu Văn Bảo
- Số lượng đơn vị trực thuộc: **11¹**, gồm 07 phòng và 04 trung tâm.
- Số lượng Khoa chuyên môn: **11²**.

3.2. Cơ cấu tổ chức của Trường

a) Tổ chức cơ sở Đảng

- Tên tổ chức: Đảng bộ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp Hồ Chí Minh
- Số lượng đảng viên: 90 người, trong đó chính thức là: 79 người.

b) Tổ chức Công đoàn

- Tên tổ chức: CĐCS Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP Hồ Chí Minh
- Số lượng công đoàn viên: 324 người.

c) Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản

- Tên tổ chức: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh
- Số lượng Đoàn viên: 2.045 đoàn viên, gồm: 13 Đoàn viên giảng viên – nhân viên; 2.032 Đoàn viên sinh viên.

d) Hội đồng Trường

- Được thành lập theo Quyết định số 782/QĐ-GDĐT-TC ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh – nhiệm kỳ 2019 – 2024³.
- Quy chế hoạt động thực hiện theo Quyết định số 02/QĐ-HĐT-LTT ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động nhiệm kỳ 2019 – 2024.

¹ (1) Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp; (2) Phòng Kế hoạch – Tài chính; (3) Phòng Quản trị – Dịch vụ; (4) Phòng Tuyển sinh – Đào tạo; (5) Phòng Quản lý khoa học – Hợp tác quốc tế; (6) Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng; (7) Phòng Thanh tra Giáo dục – Quan hệ doanh nghiệp; (8) Trung tâm Đào tạo – Quản lý vật tư thiết bị; (9) Trung tâm Thư viện; (10) Trung tâm Điều hành – Quản lý dữ liệu; (11) Trung tâm Y tế

² (1) Khoa Lý luận Chính trị; (2) Khoa Khoa học cơ bản; (3) Khoa Kinh tế; (4) Khoa Điện – Điện tử; (5) Khoa Động lực; (6) Khoa Cơ khí; (7) Khoa Xây dựng – Nhiệt lạnh; (8) Khoa Công nghệ thông tin; (9) Khoa May – Thời trang; (10) Khoa Ngoại ngữ; (11) Khoa Du lịch – Khách sạn.

³ Được kiện toàn theo Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thay thế thành viên Hội đồng Trường. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng trường, nhiệm kỳ 2024 – 2029

- Số lượng thành viên Hội đồng trường (theo Quyết định thành lập) là 15 người, hiện nay là **14** người;
- Chủ tịch Hội đồng trường (theo Quyết định thành lập): Phạm Hữu Lộc.
- Chủ tịch Hội đồng trường (hiện nay): Không có (do ông Phạm Hữu Lộc được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức theo Quyết định số 4648/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố).
- Thư ký Hội đồng trường (theo Quyết định thành lập): Lâm Viết Dũng.
- Thư ký Hội đồng trường (hiện nay): Lâm Viết Dũng.

đ) Tình hình nhân sự của Trường⁴

- Quyết định giao chỉ tiêu biên chế: Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổng số chỉ tiêu biên chế được giao: **267** người (264 người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước và 03 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp);
- Tổng số viên chức người lao động có mặt tại thời điểm ngày 22 tháng 4 năm 2025: **324** người, gồm:
 - + Tổng số viên chức: **260** người;
 - + Tổng số người lao động: **64** người;
- Tổng số nhà giáo cơ hữu có mặt tại thời điểm ngày 22 tháng 4 năm 2025: **203** người (12 nhà giáo kiêm chức, 19 Trưởng, Phó khoa, 172 giảng viên);
- Tổng số nhà giáo thỉnh giảng có mặt tại thời điểm ngày 22 tháng 4 năm 2025: **144** người;

4. Kết quả kiểm tra, xác minh

4.1. Đối với các thông tin phản ánh về việc thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của trường

4.1.1. Việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường

- a) Trường có xây dựng, cập nhật và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động theo Quyết nghị của Hội đồng Trường⁵.
- b) Trường có ban hành các quyết định về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Giám hiệu.
- c) Trường có ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và hội đồng thuộc Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh⁶.

⁴ Thông tin chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm

⁵ **(1) Năm 2022:** Quyết định số 26/QĐ-LTT-TC ngày 26 tháng 01 năm 2022 về Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh; **(2) Năm 2024:** Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 về Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

⁶ Quyết định số 36/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024

d) Về công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ:

- Hàng năm, Trường có thành lập Ban kiểm tra nội bộ và ban hành Kế hoạch kiểm tra nội bộ theo năm học. Trường có báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo việc sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra nội bộ.

- Tuy nhiên, Trường không cung cấp các hồ sơ minh chứng cho việc tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm (*Kế hoạch làm việc của từng nội dung kiểm tra; Kết quả kiểm tra các nội dung thuộc Kế hoạch; Kết luận của người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra*).

4.1.2. Việc thực hiện công tác kỷ luật nhân sự

a) Trường ban hành Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 02 năm 2025 để thành lập Tổ xác minh các nội dung liên quan đến việc quản lý, thực thi nhiệm vụ của ông Lâm Viết Dũng (*Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp*).

b) Trong quá trình xử lý kỷ luật ông Lâm Viết Dũng, Trường tổ chức thực hiện như sau:

- Ngày 04 tháng 3 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 105/QĐ-LTT-TC về việc tạm đình chỉ chức vụ Trưởng phòng đối với ông Lâm Viết Dũng, thời gian tạm đình chỉ chức vụ là 15 ngày làm việc kể từ ngày 05/3/2025.

- Ngày 11 tháng 3 năm 2025, Trường tổ chức họp kiểm điểm ông Lâm Viết Dũng và lập Biên bản số 152/BB-LTT.

- Trong thời gian từ ngày 18 tháng 3 đến ngày 21 tháng 3 năm 2025, ông Lâm Viết Dũng có đơn xin nghỉ phép.

- Ngày 25 tháng 3 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 145/QĐ-LTT-TC về việc gia hạn thời gian tạm đình chỉ chức vụ Trưởng phòng đối với ông Lâm Viết Dũng, thời gian gia hạn tạm đình chỉ chức vụ là 15 ngày làm việc kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2025.

- Ngày 31 tháng 3 năm 2025, ông Lâm Viết Dũng có đơn xin thôi chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp.

- Ngày 02 tháng 4 năm 2025, Trường tổ chức họp Hội đồng Kỷ luật đối với ông Lâm Viết Dũng và lập biên bản số 211/BB-LTT-HĐKL. Trong biên bản thể hiện rõ quy trình làm việc, các thành viên hội đồng kỷ luật, các thành viên được mời và ông Lâm Viết Dũng đã có ý kiến. Hội đồng kỷ luật đã thống nhất với hình thức bỏ phiếu kín. Kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kỷ luật đã thống nhất hình thức kỷ luật Khiển trách đối với ông Lâm Viết Dũng.

- Ngày 11 tháng 4 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 187/QĐ-LTT-TC để thi hành kỷ luật đối với ông Lâm Viết Dũng, với hình thức kỷ luật Khiển trách.

4.1.3. Việc quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên

a) Hàng năm, Trường có ban hành quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy bậc cao đẳng, trung cấp áp dụng theo từng năm học. Thực hiện quy định định mức giờ giảng của cán bộ quản lý, nhà giáo.

b) Nhà trường có thực hiện ký hợp đồng thỉnh giảng đối với nhà giáo cơ hữu để giảng dạy tại các Khoa.

c) Trong quá trình làm việc, Đoàn kiểm tra phát hiện Trường sử dụng nhà giáo có trình độ chuyên môn không phù hợp với mô đun, môn học được phân công giảng dạy⁷.

4.1.4. Về công tác cán bộ của Trường

a) Đối với trường hợp của ông Phan Hữu Tước

- Về công tác quy hoạch: ngày 12 tháng 6 năm 2023, Trường ban hành Quyết định số 329/QĐ-LTT-TC về phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ quản lý tại các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng năm 2023. Theo đó, ông Phan Hữu Tước được quy hoạch vào hai chức danh là Phó Trưởng phòng và Trưởng phòng Quản trị - Dịch vụ.

- Trường thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ đối với trường hợp của ông Phan Hữu Tước và ngày 29 tháng 9 năm 2023, Trường ban hành Quyết định số 574/QĐ-LTT-TC về bổ nhiệm viên chức quản lý.

b) Đối với trường hợp của ông Phạm Hữu Tấn

- Theo hồ sơ Trường cung cấp, ông Phạm Hữu Tấn có trình độ chuyên môn là Cử nhân Luật; trình độ ngoại ngữ: Anh văn trình độ A. Ông Phạm Hữu Tấn nghỉ hưu tại Bộ đội Biên phòng Thành phố để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

- Ngày 22 tháng 4 năm 2015, Trường ký hợp đồng lao động với ông Phạm Hữu Tấn, nhiệm vụ: chuyên viên thanh tra pháp chế thuộc phòng Hành chính – Tổng hợp.

- Ngày 25 tháng 4 năm 2015, ông Phạm Hữu Tấn được phân công thực hiện nhiệm vụ Thanh tra pháp chế theo Quyết định số 553/QĐ-LTT-TC, đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Tổ trưởng Tổ bảo vệ theo Quyết định số 554/QĐ-LTT-TC.

- Ngày 29 tháng 6 năm 2015, ông Phạm Hữu Tấn kiêm nhiệm công tác Pháp chế theo Quyết định số 951/QĐ-LTT-TC.

- Ngày 28 tháng 8 năm 2015, ông Phạm Hữu Tấn thôi giữ nhiệm vụ kiêm nhiệm công tác Pháp chế theo Quyết định số 1317/QĐ-LTT-TC.

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2019, ông Phạm Hữu Tấn chuyển sang ký hợp đồng với Trường theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ và được phân công thực hiện vị trí việc làm là Tổ trưởng Tổ bảo vệ. Tháng 01/2020, ông Phạm Hữu Tấn chuyển xếp lương theo

⁷ Đối với môn Kỹ năng mềm, Trường phân công cho nhà giáo: Châu Văn Bảo; Sơn Rốt; Phạm Văn Vĩnh; Nguyễn Mai Chinh; Nguyễn Văn Hòa

thang bảng lương tối thiểu vùng theo hệ số lương của trình độ Đại học (mã số D.01, Bậc 2).

- Tháng 01 năm 2024, ông Phạm Hữu Tấn chuyển sang Hợp đồng lao động với Trường thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo quy định của Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2022, hưởng lương theo hệ thống thang bảng lương áp dụng đối với lao động hợp đồng trường (mã số D.01, Bậc 3) và được phân công thực hiện vị trí việc làm là Tổ trưởng Tổ Bảo vệ.

- Ông Phạm Hữu Tấn được phân công thực hiện vị trí việc làm là Tổ trưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, không thực hiện quy trình bổ nhiệm, đồng thời không hưởng hệ số phụ cấp chức vụ trên bảng lương. Trong thời gian công tác tại Trường (*từ tháng 5/2015 đến hết tháng 4/2025*) ông Phạm Hữu Tấn làm việc tại Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp.

- Ngày 01 tháng 5 năm 2025, ông Phạm Hữu Tấn nghỉ việc do hết tuổi lao động theo Thông báo số 115/TB-LTT-TC ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Đối với trường hợp của ông Lương Xuân Thịnh

- Về công tác quy hoạch: Trường không cung cấp Quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ do cấp có thẩm quyền đối với trường hợp của ông Lương Xuân Thịnh. Năm 2021, Trường có ban hành danh sách nhân sự đưa vào quy hoạch cán bộ quản lý tại các đơn vị trực thuộc Trường (*không có Quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ quản lý của cấp có thẩm quyền*), ông Lương Xuân Thịnh được quy hoạch vào chức danh Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng (*nay là Trung tâm Đào tạo – Quản lý vật tư thiết bị*).

- Ngày 20 tháng 01 năm 2020, ông Lương Xuân Thịnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng Trung tâm, Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp theo Quyết định số 60/QĐ-LTT-TC.

- Ngày 05 tháng 9 năm 2020, ông Lương Xuân Thịnh (*Phó trưởng Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp*) được Trường điều động, luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo theo Quyết định số 960/QĐ-LTT-TC.

- Ngày 29 tháng 07 năm 2021, Trường ban hành Quyết định số 846/QĐ-LTT-TC, theo đó, ông Lương Xuân Thịnh, Phó trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo kiêm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

- Ngày 05 tháng 07 năm 2022, Trường ban hành Quyết định số 369/QĐ-LTT-TC, theo đó, ông Lương Xuân Thịnh, Phó trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo nhận nhiệm vụ Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng từ ngày 05 tháng 7 năm 2022.

- Ngày 01 tháng 12 năm 2022, Trường ban hành Quyết định số 836/QĐ-LTT-TC, theo đó, ông Lương Xuân Thịnh, Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng kiêm nhiệm chức vụ , Phó trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo từ ngày 01

tháng 12 năm 2022.

- Ngày 05 tháng 7 năm 2022, Trường ban hành Quyết định số 369/QĐ-LTT-TC về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý - chức vụ chính được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ trên hệ thống bảng lương, theo đó, ông Lương Xuân Thịnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Đào tạo – Quản lý vật tư thiết bị và kiêm giữ chức Phó Trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo (*không tính hệ số phụ cấp chức vụ trên bảng lương*).

d) Đối với trường hợp của ông Lâm Viết Dũng về việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ

- Ông Lâm Viết Dũng được bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp theo Quyết định số 862/QĐ-LTT-TC ngày 29 tháng 12 năm 2023.

- Ngày 04 tháng 3 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 105/QĐ-LTT-TC về việc tạm đình chỉ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp đối với ông Lâm Viết Dũng.

- Ngày 25 tháng 3 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 145/QĐ-LTT-TC về việc gia hạn thời gian tạm đình chỉ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp đối với ông Lâm Viết Dũng.

- Ngày 31 tháng 3 năm 2025, ông Lâm Viết Dũng có gửi đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp vì lý do cá nhân.

- Ngày 11 tháng 4 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 187/QĐ-LTT-TC về việc thi hành kỷ luật đối với ông Lâm Viết Dũng, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp với hình thức kỷ luật là “Khiển trách”, lý do: Đã có hành vi vi phạm việc không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình tổ chức, quản lý và cấp phát vật tư thực tập phục vụ hoạt động đào tạo năm học 2023-2024.

- Ngày 15 tháng 4 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 189/QĐ-LTT-TC về việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và điều chuyển công tác đối với ông Lâm Viết Dũng làm giảng viên tại khoa Điện – Điện tử, kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và bảo lưu phụ cấp chức vụ Trưởng đơn vị là 0,45 đến hết tháng 12 năm 2028 (hết nhiệm kỳ 5 năm).

4.1.5. Về điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW

a) Đối với trường hợp của ông Lê Xuân Thiện

- Theo hồ sơ do Trường cung cấp, ngày 25 tháng 12 năm 2024 ông Lê Xuân Thiện (*nhân viên phòng Thanh tra Giáo dục – Quan hệ doanh nghiệp*) có đơn xin đổi vị trí việc làm và được sự đồng ý chuyển công tác của Trưởng đơn vị (*noi đi*). Bên cạnh đó, cũng được sự đồng ý tiếp nhận của Trưởng phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng (*noi đến*) tại Tờ trình ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc bổ sung

nhân sự công tác tại phòng để hỗ trợ thực hiện công tác chuyên môn và đã được lãnh đạo Trường phê duyệt.

- Ngày 20 tháng 01 năm 2025, Trường ban hành Quyết định số 46/QĐ-LTT-TC về việc điều chuyển nhân sự ông Lê Xuân Thiện tham gia hỗ trợ các nhiệm vụ, công tác tại phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng trên cơ sở Tờ trình của Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp ngày 17 tháng 01 năm 2025.

b) Đối với trường hợp của ông Lâm Viết Dũng

- Theo hồ sơ do Trường cung cấp, ngày 31 tháng 3 năm 2025 ông Lâm Viết Dũng có đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và có nguyện vọng về công tác tại khoa Điện – Điện tử. Đơn của ông Lâm Viết Dũng được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường phê duyệt.

- Ông Lâm Viết Dũng giữ chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết, trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý khoa học và công nghệ; Đại học Điện - Điện tử, là giảng viên kiêm chức giảng dạy tại khoa Điện – Điện tử từ năm học 2015 – 2016 đến nay.

4.1.6. Về việc sử dụng chứng chỉ, bằng cấp không hợp pháp

a) Đối với trường hợp ông Nguyễn Trọng Nghĩa

- Theo hồ sơ do Trường cung cấp, ngày 15 tháng 7 năm 2015, Trường tiếp nhận ông Nguyễn Trọng Nghĩa (*giảng viên đang công tác tại Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*) về công tác tại Trường theo Quyết định số 1091/QĐ-GDDT-TC ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Hồ sơ cá nhân thể hiện ông Nguyễn Trọng Nghĩa có bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Central State cấp (*cơ sở nước ngoài*).

- Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Trường ban hành Thông báo số 1510/TB-LTT-TC yêu cầu “*các cá nhân có bằng của cơ sở nước ngoài cấp liên hệ trực tiếp Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục để công nhận tính hợp pháp của văn bằng, thời hạn nộp về trường là 31 tháng 3 năm 2017, quá thời gian nêu trên Nhà trường sẽ ngưng sử dụng các văn bằng của cá nhân do cơ sở nước ngoài cấp*”.

- Tại thời điểm kiểm tra, Trường không cung cấp kết quả thẩm định và công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Central State cấp cho ông Nguyễn Trọng Nghĩa.

b) Đối với trường hợp ông Lương Xuân Thịnh

- Theo hồ sơ do Trường cung cấp, ngày 11 tháng 10 năm 2018, Trường ban hành Quyết định số 1103-06/QĐ-LTT-TC để công nhận kết quả xét tuyển viên chức tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Lương Xuân Thịnh. Trong hồ sơ tuyển dụng, ông Lương Xuân Thịnh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B do Trường Trung cấp Quốc tế Sài Gòn cấp ngày

09 tháng 7 năm 2018 để minh chứng cho năng lực ngoại ngữ của bản thân.

- Tại thời điểm công nhận kết quả xét tuyển viên chức đối với trường hợp của ông Lương Xuân Thịnh, Trường không thực hiện việc thẩm tra chứng chỉ ngoại ngữ của ông Lương Xuân Thịnh⁸.

4.1.7. Nhận xét, đánh giá

a) Tổ xác minh được thành lập theo quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 02 năm 2025 đã thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ trong quá trình hoạt động.

b) Quá trình từ khi được tuyển dụng đến khi nghỉ việc do hết tuổi lao động đối với trường hợp của ông Phạm Hữu Tân thì Trường đã thực hiện theo quy định.

c) Quá trình xử lý kỷ luật viên chức đối với ông Lâm Viết Dũng đã được thực hiện theo trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với viên chức theo Nghị định 71/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

d) Việc điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW đối với trường hợp của ông Lê Xuân Thiện và trường hợp của ông Lâm Viết Dũng là thực hiện trong nội bộ đơn vị, không làm tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, không thực hiện bổ nhiệm mới tại trường. Do đó, không ảnh hưởng đến việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hiệu lực, hiệu quả Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương, và Trường thực hiện việc điều chuyển nhân sự này đối với ông Lê Xuân Thiện và ông Lâm Viết Dũng là đúng quy định.

đ) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường chưa cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan⁹.

e) Trường chưa ban hành các quy định liên quan công tác tiếp công dân theo quy định của Thanh tra Chính phủ¹⁰.

g) Hiệu trưởng không có ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám hiệu¹¹.

h) Trường ký hợp đồng thỉnh giảng đối với giáo viên cơ hữu của Trường là chưa đúng quy định tại Điều 71 Luật Giáo dục năm 2019.

⁸ Theo giải trình của Trường, tại thời điểm năm 2018, Trường chịu sự quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, do đó, khi thực hiện công tác tuyển dụng viên chức, Trường gửi hồ sơ lên Sở Giáo dục và Đào tạo để thẩm định và ban hành văn bản phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức của Trường, gồm: hồ sơ cá nhân của ứng viên, xác nhận văn bằng chuyên môn, kết quả tổ chức các vòng xét tuyển viên chức,... Sau khi nhận được văn bản phúc đáp của Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường ban hành Quyết định về công nhận kết quả xét tuyển viên chức. Việc tuyển dụng viên chức, Trường thực hiện theo văn bản hướng dẫn và gửi Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định theo quy định. Tuy nhiên, Nhà trường nhận thiếu sót về việc chưa chủ động thực hiện việc thẩm tra, xác minh chứng chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BNV trước khi ký hợp đồng làm việc với viên chức.

⁹ Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành năm 2024 chưa cập nhật Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020

¹⁰ Không có: Quy chế tiếp công dân, Nội quy tiếp công dân, Lịch tiếp công dân của lãnh đạo, Địa điểm tiếp công dân, Sổ tiếp công dân.

¹¹ Chi ban hành: Quyết định phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.

i) Trường phân công nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định, trong đó: **(1)** năm học 2022 - 2023 có 117 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của 09 khoa với tổng số giờ là 40.773 giờ; **(2)** năm học 2023 - 2024 có 76 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của 11 khoa với tổng số giờ là 16.884 giờ.

Đặc biệt, có trường hợp nhà giáo Nguyễn Mai Chinh được phân công giảng dạy với khối lượng lớn và sĩ số lớp lớn (*bình quân 350 HSSV/lớp*) trong các năm học¹², gồm: **(1)** Năm học 2021 – 2022, giảng dạy 5.885 giờ; **(2)** Năm học 2022 – 2023, giảng dạy 4.565 giờ; **(3)** Năm học 2023 – 2024, giảng dạy 2.720 giờ; **(4)** Năm học 2024 – 2025, giảng dạy 2.420 giờ.

k) Trường phân công giảng dạy môn học Kỹ năng mềm cho các nhà giáo không có trình độ chuyên môn phù hợp, cụ thể:

T T	Thông tin Môn Kỹ năng mềm		Thông tin nhà giáo giảng dạy		
	Năm học	Lớp	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Nghịệp vụ
1	2021 – 2022 đến 2024 - 2025	Theo Hợp đồng giữa Trường với Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế	Nguyễn Mai Chinh	- Đại học Quản lý kinh doanh - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Tiến sĩ Giáo dục	- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Chứng chỉ bồi dưỡng Giáo dục kỹ năng sống do Trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Huế cấp.
2	2023 - 2024	23T3ĐCN-Duyên Hải	Phạm Văn Vĩnh	- Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Thạc sĩ Quản lý kinh tế	- Chứng chỉ Sư phạm bậc 2 - Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A - Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ B1
3	2023 - 2024	23T5-ĐCN1	Châu Văn Bảo	- Trung cấp Tin học ứng dụng - Đại học Kỹ thuật Điện – Điện tử - Đại học Ngôn ngữ Anh - Thạc sĩ Kỹ thuật - Tiến sĩ Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	- Bằng Cao cấp LLCT - Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp - Chứng chỉ quản lý giáo dục - Chứng chỉ sư phạm bậc 2
4	2023 - 2024	23T3-NHQ1BP 23T3-NTN1BP 23T3-THU1BP	Nguyễn Văn Hòa	- Đại học Luật - Đại học Sư phạm Sinh học	Chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn phương pháp giảng dạy kỹ năng sống năm học 2011 – 2012 do Tỉnh đoàn tỉnh Bình Phước cấp.
5	2024 – 2025	23T3-CNÔ1CK	Sơn Rót	- Đại học Sư phạm giáo dục công dân - Thạc sĩ Chính trị học	- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm - Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ B1 - Chứng chỉ năng lực UDCNTT nâng cao

l) Về công tác cán bộ:

¹² Theo tổng hợp từ Thời Khóa biểu các năm học do Trường cung cấp.

(1) Trường hợp đối với ông Phan Hữu Tước

Quy trình, thủ tục thực hiện bổ nhiệm chức vụ quản lý đối với ông Phan Hữu Tước thực hiện chưa đúng quy định, cụ thể:

(i) Trường chưa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

(ii) Về thành phần hồ sơ, Trường chưa thực hiện hồ sơ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, thiếu các hồ sơ gồm:

- Bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu kèm theo biên bản kiểm phiếu ở các bước trong quy trình bổ nhiệm;

- Nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo đơn vị về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, về năng lực công tác, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất;

Bên cạnh đó, còn có hồ sơ chưa đúng theo quy định, gồm:

- Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị *(chỉ có Trích biên bản Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ trường lấy ý kiến về bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Quản trị - Dịch vụ Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Phan Hữu Tước ngày 13/9/2023, hồ sơ lưu chỉ là bản photo, không có dấu, bản gốc lưu ở Đảng ủy).*

- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định *(chưa được cấp có thẩm quyền xác nhận).*

- Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền có thời gian cấp không phù hợp *(theo hồ sơ đơn vị cung cấp thì Giấy chứng nhận sức khỏe của ông Phan Hữu Tước đề ngày 22/4/2025, theo Quyết định bổ nhiệm là ngày 29/9/2023. Như vậy, Giấy chứng nhận sức khỏe có sau thời điểm bổ nhiệm).*

(iii) Cơ sở pháp lý để Trường áp dụng cho việc bổ nhiệm viên chức đối với ông Phan Hữu Tước không phù hợp¹³.

(2) Trường hợp đối với ông Lương Xuân Thịnh

Đối với trường hợp bổ nhiệm lần đầu năm 2020, nhà trường thực hiện theo quy định của Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM. Tuy nhiên, hồ sơ do trường cung cấp thể hiện việc bổ nhiệm chưa phù hợp quy định,

¹³ Ngày 25 tháng 4 năm 2020, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh có ban hành Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC về thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức, người lao động tại Trường. Quy định này căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, tuy nhiên, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP đã bị bãi bỏ khi Nghị định số 115/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2020. Trường ban hành Quyết định số 574/QĐ-LTT-TC ngày 29/9/2023 về bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ông Phan Hữu Tước và Quyết định này Trường căn cứ Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC.

cụ thể:

- Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM và Hồ sơ bổ nhiệm không có điều kiện tiêu chuẩn của chức vụ quản lý theo quy định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định 29/2012/NĐ-CP.

- Hồ sơ cung cấp 02 bản sơ yếu lý lịch theo mẫu 3a-BNV/2007 kèm Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV và mẫu số 2 theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV là chưa phù hợp theo quy định tại điểm c Khoản 4 Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC (sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008).

- Quy trình thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý đối với trường hợp ông Thịnh, chỉ có danh sách mà không có Quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ quản lý là chưa đúng quy định.

- Đối với việc luân chuyển, điều động bổ nhiệm lại đối với ông Lương Xuân Thịnh, nhà trường thực hiện theo Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2020 không phù hợp.

m) Việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ đối với ông Lâm Viết Dũng:

- Trường chưa thực hiện đúng quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ quản lý theo khoản 3 Điều 54 của khoản 31 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể: *“Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn từ chức, cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nơi viên chức đang công tác có trách nhiệm trao đổi với viên chức và báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định”*.

- Bên cạnh đó, còn có hồ sơ chưa đúng theo quy định, gồm:

+ Thiếu báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

+ Thiếu văn bản thống nhất chấp thuận của Đảng ủy về việc chấp thuận cho ông Lâm Viết Dũng thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp. Trường cung cấp chỉ có biên bản họp Ban chấp hành Đảng bộ trường ngày 11/4/2025, Đảng ủy thống nhất chấp thuận (6/6 đồng chí) chỉ thống nhất chấp thuận cho ông Lâm Viết Dũng điều chuyển về làm giảng viên tại khoa Điện – Điện tử, (hồ sơ lưu là biên bản photo, bản chính Đảng ủy giữ).

- Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, nhiệm vụ của Đảng ủy là lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ. Vì vậy, việc Lãnh đạo Trường cho ông Lâm Viết Dũng thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp mà chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của Đảng ủy là chưa đúng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

n) Việc sử dụng chứng chỉ, bằng cấp không hợp pháp

(i) Đối với trường hợp ông Nguyễn Trọng Nghĩa, tại thời điểm kiểm tra, việc không có kết quả thẩm định và công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất

lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Central State cấp cho ông Nguyễn Trọng Nghĩa là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT.

(ii) Đối với trường hợp ông Lương Xuân Thịnh, trước khi ký hợp đồng làm việc Trường không thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức.

4.2. Đối với các thông tin phản ánh về việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ TOEIC

4.2.1. Kết quả xác minh

a) Nội dung thu phí kiểm tra TOEIC được ghi nhận tại điểm 4.3 khoản 4 báo cáo này.

b) Về việc công nhận kết quả thi Toeic: Trường không cấp chứng chỉ TOEIC cho sinh viên sau khi tham gia thi. Trường có công nhận các chứng chỉ quốc tế đối với các đơn vị được cấp phép tổ chức thi (theo minh chứng đã thu thập).

c) Trường hợp người học, sinh viên đã tham gia dự thi, Trường chỉ công nhận chuẩn đầu ra cho các sinh viên sau khi dự thi đạt yêu cầu (Theo các thông báo minh chứng đã thu thập), thành viên kiểm tra không tìm thấy minh chứng trường có cấp chứng chỉ cho thí sinh.

d) Về việc phối hợp với tổ chức IEG để tổ chức thi TOEIC cho người học, trên công thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo không tìm thấy Quyết định phê duyệt liên kết để công ty IEG được phép tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2.2. Nhận xét, đánh giá

Trường có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Công ty IEG Việt Nam để thực hiện dịch vụ kiểm tra trình độ sử dụng tiếng Anh của sinh viên bằng chương trình kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra sinh viên theo chuẩn đầu ra Quốc tế, theo đó quy định Công ty IEG có trách nhiệm về chất lượng cũng như tính hợp pháp của bài thi kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra theo định hướng bài thi quốc tế theo hình thức mới nhất. Đồng thời, Công ty IEG gửi kết quả thi cho Trường dưới hình thức bảng điểm chung (score roster), có dấu xác nhận của Công ty IEG và Công ty IEG không cung cấp phiếu điểm cá nhân. Trường sử dụng kết quả trên để công nhận chuẩn đầu ra cho các sinh viên sau khi dự thi đạt yêu cầu.

4.3. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý tài chính và miễn giảm học phí của trường

4.3.1. Về việc tạm thu học phí của người học

a) Đối với việc tạm thu học phí

- Theo hồ sơ nhà trường cung cấp, cơ sở pháp lý thực hiện việc tạm thu như sau:

+ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm 2020-2021.

+ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Tại Chương III Nghị định 86/2015/NĐ-CP, quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, có phân biệt rõ về đối tượng:

(1) Điều 6: Đối tượng không phải đóng học phí;

(2) Điều 7: Đối tượng được miễn học phí;

(3) Điều 8: Đối tượng được giảm học phí;

Sinh viên T4 của nhà trường không thuộc Đối tượng không phải đóng học phí (Điều 6) mà thuộc Đối tượng được miễn học phí (Điều 7).

- Ngoài ra tại điểm c, khoản 3, mục IV Hướng dẫn Liên Sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBOXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Liên Sở Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính về phương thức chi trả tiền miễn giảm học phí đối với người học có nêu: Trường hợp học sinh, sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học thì không được tính để chi trả tiền miễn giảm học phí. Như vậy tiền miễn giảm học phí chỉ chi trả cho HS-SV đã hoàn tất từng năm học và không vi phạm kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học.

Vì vậy, Trường được phép thu học phí của sinh viên khi đăng ký nhập học sau đó thực hiện việc lập dự toán ngân sách nhà nước cấp bù kinh phí miễn giảm học phí về trả lại cho các em sinh viên sau khi đã hoàn tất từng năm học.

Việc này nhà trường đã phổ biến khi làm công tác tuyển sinh trước khi học sinh đăng ký vào học và đã phổ biến đến Phụ huynh và sinh viên theo Thông báo Số 541/TB-LTT-KHTC ngày 09 tháng 6 năm 2017.

b) Về khoảng thời gian giữa tạm thu và hoàn trả tạm thu

Nội dung của việc tạm thu và hoàn trả tạm thu được nhà trường trình bày như sau:

- Sinh viên đăng ký nhập học nộp học phí học kỳ 1, hết học kỳ 1 sinh viên tiếp tục nộp học phí học kỳ 2 theo thông báo của nhà trường.

- Nhà trường thực hiện rút tiền miễn giảm học phí về tài khoản tiền gửi học phí tại kho bạc để cho trả tiền miễn giảm học phí cho sinh viên.

- Sau khi kết thúc một năm học (sinh viên đã hoàn tất chương trình học) nhà Trường ra Thông báo hoàn trả tiền miễn, giảm học cho sinh viên.

Thông báo trên được gửi đến cố vấn học tập để triển khai đến sinh viên và phụ huynh của từng lớp; gửi đến Trưởng khoa được biết và dán trước phòng kế hoạch Tài chính để thực hiện việc xác nhận sinh viên có còn thực học và sinh viên cung cấp tài khoản nhằm thực hiện việc chi trả tiền miễn giảm học phí vào tài khoản của sinh viên.

Phòng Kế hoạch – Tài chính Trường căn cứ vào danh sách cung cấp số tài khoản của sinh viên do cố vấn học tập lập, có xác nhận trưởng khoa và Hiệu trưởng để tiến hành thực hiện việc chi trả tiền cho sinh viên như sau:

+ Lập danh sách chi trả tiền miễn giảm học phí cho sinh viên đã hoàn tất một năm học.

+ Đối với sinh viên đã có công nợ học kỳ 1 năm sau, tiến hành việc thực hiện thu học phí học kỳ 1 năm sau, số tiền dư còn lại chuyển khoản vào tài khoản sinh viên.

+ Sinh viên năm cuối cùng không có công nợ nhà trường tiến hành việc chi trả toàn bộ tiền miễn giảm học phí của một năm học cho sinh viên vào tài khoản cá nhân của từng sinh viên.

+ Đối với sinh viên học tiếp lên trình độ liên thông Cao đẳng thì nhà trường tiến hành chuyển tiền miễn giảm học phí của năm trước đã được miễn giảm học phí sang học phí liên thông Cao đẳng (người học không phải tự đóng), số còn dư chuyển trả vào tài khoản cá nhân của từng sinh viên.

Riêng năm học 2023-2024: đối với sinh viên khối T4 thuộc đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ Trung cấp nhà trường không thu tiền từ đầu năm học nên không hoàn trả lại cho Sinh viên, Trường chỉ thu tiền đối với sinh viên trình độ Cao đẳng thuộc diện miễn giảm học phí.

c) Về quản lý và theo dõi số tiền tạm thu:

Số tiền tạm thu được nhà trường gửi vào tài khoản ngân hàng. Tiền lãi phát sinh được nhà trường đưa vào doanh thu hoạt động tài chính, sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế TNDN 5% và các chi phí liên quan, nhà trường trích lập quỹ theo cơ chế tự chủ tài chính.

Đối với các sinh viên còn chưa nhận tiền miễn giảm học phí là do chưa cung cấp số tài khoản hoặc số tài khoản bị sai. Riêng các trường hợp sinh viên đã nghỉ học, bỏ học, tạm ngưng học sẽ không được cấp kinh phí miễn giảm học phí để hoàn trả lại cho sinh viên.

d) Về việc báo cáo số tiền tạm thu tại Báo cáo quyết toán hàng năm:

Số tiền tạm thu của Sinh viên nhà trường đã xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu tại thời điểm Sinh viên nộp tiền. Số tiền hoàn trả Sinh viên là số tiền được cấp từ ngân sách nhà nước sau khi Sinh viên đã hoàn tất năm học. Tất cả các khoản tiền phát sinh đều cập nhật lên bảng báo cáo quyết toán hàng năm.

4.3.2. Về việc thu học phí, lệ phí của người học ở các môn học Kỹ năng mềm, Tin học, Ngoại ngữ TOEIC

Theo hồ sơ của nhà trường cung cấp về nội dung thu học phí, lệ phí của người học ở các môn học Kỹ năng mềm, Tin học, Ngoại ngữ TOEIC:

a) Về cơ sở pháp lý thực hiện Môn Kỹ năng mềm (chuẩn đầu ra):

- Căn cứ chương trình đào tạo các ngành nghề, nhà trường thực hiện quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề theo Quyết định số:

+ Quyết định số 1034/QĐ-LTT ngày 04/10/2021 Ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề được điều chỉnh từ chương trình đào tạo khóa 2020 trình độ trung cấp, cao đẳng để áp dụng từ khóa 2021 tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM.

+ Quyết định số 957/QĐ-LTT ngày 30/12/2022 Ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề được điều chỉnh từ chương trình đào tạo khóa 2021 trình độ trung cấp, cao đẳng để áp dụng từ khóa 2022 tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM.

+ Quyết định số 393/QĐ-LTT ngày 06/7/2023 Ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề được điều chỉnh từ chương trình đào tạo khóa 2022 trình độ trung cấp, cao đẳng để áp dụng từ khóa 2023 tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM.

+ Quyết định số 377/QĐ-LTT ngày 05/7/2024 Ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề được điều chỉnh từ chương trình đào tạo khóa 2023 trình độ trung cấp, cao đẳng để áp dụng từ khóa 2024 tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM.

b) Về cơ sở pháp lý thực hiện Tin học (Chuẩn đầu ra) + Ngoại ngữ TOEIC (Chuẩn đầu ra):

+ Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng.

+ Tại Điều 5 của Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Tin học và ngoại ngữ TOEIC (chuẩn đầu ra) không thuộc chương trình học chính quy, Trung tâm Đào tạo ngắn hạn của trường tổ chức giảng dạy theo chương trình tự xây dựng phù hợp với trình độ trung cấp và cao đẳng đầu ra của sinh viên, sinh viên có nhu cầu đăng ký học (không bắt buộc), với mức giá thu theo Trung tâm ngắn hạn xây dựng phù hợp được Hiệu trưởng phê duyệt.

4.3.3. Nhận xét, đánh giá

4.3.3.1. Về việc tạm thu học phí của người học

a) Nguyên tắc chung về mức thu học phí:

- Mức thu học phí của một tín chỉ, mô-đun được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học theo nhóm ngành, nghề đào tạo và tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa; trong đó, tổng học phí toàn khóa = mức thu học phí 1 sinh viên/1 tháng x 10 tháng x số năm học, bảo đảm nguyên tắc tổng học phí theo tín chỉ của chương trình đào tạo tối đa bằng tổng học phí tính theo niên chế.

- Trường căn cứ mức thu học phí tương ứng với từng ngành, nghề đào tạo của trường (không vượt quá mức trần học phí theo quy định của Chính phủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự đảm bảo chi thường xuyên) và số lượng đối tượng miễn, giảm học phí lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí để được bố trí dự toán kinh phí thực hiện. Việc miễn, giảm học phí được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

- Ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ về mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 – 2023. Theo đó, tại khoản 2 quy định:

*“2. Đối với học phí của các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: **Giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do cơ sở giáo dục đã ban hành** theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. **Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo mức trần học phí năm học 2021 - 2022 đã quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP**”.*

- Ngày 14 tháng 11 năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 3757/QĐ-SGDĐT thực hiện điều chỉnh giảm đối với dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí của Trường đã được giao đầu năm 2023, cụ thể:

+ Dự toán giao đầu năm:	81.476.000.000 đồng
+ Dự toán điều chỉnh giảm:	-50.856.700.000 đồng
+ Dự toán còn lại thực hiện:	30.619.300.000 đồng

- Kết quả tạm thu học phí từ năm học 2020-2021 đến nay tại Trường:

TT	Năm học	Tạm thu học phí		Hoàn trả học phí tạm thu tính đến 31/03/2025		Số còn chưa nhận đến 31/03/2025	
		Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
1	2020-2021	4.222	50.087.000.000	4.199	49.968.494.352	23	118.505.648
2	2021-2022	4.034	49.126.906.200	3.968	48.832.276.500	66	294.629.700
3	2022-2023	5.462	30.619.300.220	5.137	29.580.951.651	325	1.033.348.569
4	2023-2024	787	9.654.422.000	617	9.225.478.760	170	428.943.240
5	2024-2025	1.438	18.593.374.000	0	0	1.438	18.593.374.000

b) Về cơ sở pháp lý thực hiện

- Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, và Sở Tài chính về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021.

Tại phần IV. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, quy định:

“1. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập:

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.

Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù).

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền học phí miễn, giảm cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên; cơ sở giáo

đục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được tự chủ sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”

“3. Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế

c) Phòng lao động - thương binh và xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.”

Từ căn cứ pháp lý nêu trên, quy định tại điểm c, khoản 3, mục IV Hướng dẫn liên sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 chỉ áp dụng cho đối tượng là **“các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế”**, việc Trường áp dụng quy định này để thực hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí năm học 2020 – 2021 (áp dụng theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP); Sau đó lập và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí để hoàn trả số tiền tạm thu cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học là không đúng quy định.

Tương tự đối với các năm học từ 2021 – 2022 đến 2024 – 2025, việc thực hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí là không đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

c) Về khoảng thời gian giữa tạm thu và hoàn trả tạm thu

Theo báo cáo, Trường có ban hành các Thông báo về việc hoàn trả tiền miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí khi kết thúc năm học và hoàn tất chương trình học của năm học đó (từ 10 tháng đến 12 tháng).

Qua kiểm tra, ghi nhận việc hoàn trả tiền miễn, giảm học phí chưa được Trường khẩn trương thực hiện và xử lý dứt điểm, dẫn đến số tiền miễn, giảm học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí còn tồn nhiều (do các nguyên nhân như: sinh viên chưa cung cấp số tài khoản để nhận tiền, cung cấp sai số tài khoản,...). Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2025, số tiền miễn, giảm học phí còn tồn chưa hoàn trả là 20.468.801.157 đồng.

d) Về quản lý và theo dõi số tiền tạm thu:

Tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP¹⁴ ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định: **“Cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, nộp toàn bộ số thu học phí của các ngành nghề được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng”**.

¹⁴ Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021

Tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP¹⁵ ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định: “Đơn vị nhóm 3 và nhóm 4 mở tài khoản chuyên thu tại ngân hàng thương mại đối với các khoản thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, dịch vụ y tế dự phòng, học phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; định kỳ nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định.”.

Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP¹⁶ ngày 27/8/2021 của Chính phủ: “Kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho cơ sở giáo dục công lập được chuyển và hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở này và được tự chủ sử dụng theo số lượng thực tế đối tượng được cấp bù và quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.”.

Qua kiểm tra, số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách, số tiền này và các khoản thu khác được Trường gửi vào tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng thương mại theo dõi chung. Trường chưa nộp toàn bộ số thu học phí vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng theo quy định.

Vì lý do trên, tiền lãi ngân hàng phát sinh từ số tiền tạm thu (học phí) không thể tách riêng biệt với số thu của các khoản thu khác. Thống kê số tiền tạm thu và tiền lãi ngân hàng phát sinh (của nhiều khoản thu):

Năm	Tổng số thu		Tiền lãi ngân hàng	
	Học phí	Trong đó: Số tiền tạm thu	Số tiền	Nộp thuế TNDN
Năm 2021	117.580.040.063	50.087.000.000	597.930.076	29.896.504
Năm 2022	162.079.587.829	49.126.906.200	607.699.076	30.384.954
Năm 2023	116.569.415.024	30.619.300.220	580.966.377	29.048.319
Năm 2024	137.299.855.964	9.654.422.000	622.565.957	31.128.298
Năm 2025 (Tính đến 31/05/2025)	49.370.401.242	18.593.374.000	339.711.053	16.985.553

Qua kiểm tra về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp và trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí) từ năm 2021 đến năm 2024, thành viên kiểm tra ghi nhận:

(i) Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số

¹⁵ Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

¹⁶ Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

tiền tạm thu (học phí):

Tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP¹⁷ ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định:

“5. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:

a) Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%. Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật áp dụng mức thuế quy định tại điểm c Khoản này;

b) Đối với kinh doanh hàng hóa là 1%;

c) Đối với hoạt động khác là 2%.”

Năm	Số tiền tạm thu (học phí)	Thuế TNDN phải nộp (2%)	Thuế TNDN đã nộp	Thuế TNDN còn phải nộp
Năm 2021	50.087.000.000	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu
Năm 2022	49.126.906.200			
Năm 2023	30.619.300.220			
Năm 2024	9.654.422.000			
Tổng cộng	139.487.628.420			

Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách. Trường chưa cung cấp và báo cáo số liệu chi tiết cho thành viên kiểm tra về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số tiền tạm thu (học phí). Do đó, thành viên kiểm tra không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ đối với số tiền tạm thu (học phí) theo quy định.

Tuy nhiên, Trường báo cáo đã có buổi làm việc với Cục thuế TP.HCM theo thông báo số 16411/TB-CTTPHCM ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu đang đợi kết luận của Cục Thuế TP.HCM.

(ii) Tình hình thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí):

Căn cứ các Công văn của Liên Sở Tài chính - Cục Thuế - Kho bạc Nhà nước Thành phố: Công văn số 883/STC-CT-KBNN ngày 19 tháng 02 năm 2021 về

¹⁷ Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách năm 2021; Công văn số 665/STC-CT-KBNN ngày 27 tháng 01 năm 2022 về hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách năm 2022; Công văn số 388/STC-CT-KBNN ngày 27 tháng 01 năm 2023 về hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 8738/STC-HCSN ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài chính hướng dẫn về việc trích lập tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí năm 2024.

Năm	Số tiền tạm thu (học phí)	Nguồn CCTL phải trích lập	Nguồn CCTL đã trích lập	Nguồn CCTL còn phải trích lập	Ghi chú
Năm 2021	50.087.000.000	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu	Trường chưa cung cấp số liệu	<i>Trích lập tối thiểu 40% số thu</i>
Năm 2022	49.126.906.200				<i>Trích lập tối thiểu 40% số thu</i>
Năm 2023	30.619.300.220				<i>Trích lập tối thiểu 40% số thu</i>
Năm 2024	9.654.422.000				<i>Trích lập tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi</i>
Tổng cộng	139.487.628.420				

Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách. Trường chưa cung cấp và báo cáo số liệu chi tiết cho thành viên kiểm tra về tình hình thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí). Do đó, thành viên kiểm tra không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp đầy đủ để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí) theo quy định.

Thành viên kiểm tra ghi nhận, năm 2021, thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực IV năm 2022 (niên độ ngân sách năm 2021), Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1092/SGDĐT-KHTC ngày 14 tháng 3 năm 2023 triển khai đến các đơn vị trực thuộc Sở, đề nghị các đơn vị rà soát và có báo cáo tình hình thực hiện trích bổ sung 40% nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương theo kiến nghị của Kiểm toán. Số kiến nghị kiểm toán đối với Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM là 32.938.806.818 đồng.

(iii) Về việc báo cáo số tiền tạm thu tại Báo cáo quyết toán hàng năm:

Qua kiểm tra, Trường thực hiện hạch toán vào tài khoản thu học phí đối với

số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học.

Do đó, số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách và được hạch toán vào tài khoản 531 ***“Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ”***.

Đối với khoản kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí được rút về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học, Trường ghi nhận là khoản phải trả khác và được hạch toán vào tài khoản 338 ***“Phải trả khác”***.

Tuy nhiên, đối với hai khoản tiền nêu trên, Trường có thể hiện số liệu trong sổ sách kế toán nhưng không nêu rõ khoản tạm thu và khoản phải trả (*số tiền tạm thu, số tiền tạm thu đã hoàn trả, số tiền tạm thu chưa hoàn trả*) trong Thuyết minh báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm là không đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

4.3.3.2. Về việc thu học phí, lệ phí của người học ở các môn học Kỹ năng mềm, Tin học, Ngoại ngữ TOEIC

Theo cơ sở pháp lý Trường cung cấp là quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành, nghề, không phải pháp lý cho phép tổ chức các khoản thu. Ngoài ra việc sử dụng từ ***“Phí/Lệ phí”*** đối với các khoản thu phát sinh tại Trường là không đúng với quy định theo Luật phí, lệ phí.

4.4. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý và sử dụng tài sản công

4.4.1. Về nhà giữ xe máy của sinh viên

Trường cho thuê nhà giữ xe máy của sinh viên với diện tích 562 m². Ngày 24 tháng 4 năm 2018, thực hiện đấu thầu bãi giữ xe gói thầu: Đầu tư khai thác xây dựng công trình nhà tạm kết cấu thép và ký Hợp đồng số 0607/LTT-HT-2018 ngày 06/7/2018 với công ty TNHH SX TM DV XNK Huyền Trân thời hạn 5 năm từ ngày ký, giá trị hợp đồng 600.000.000 đ/năm chưa bao gồm chi phí điện, nước, phí bảo vệ môi trường.

Từ ngày 01/07/2021, Trường ký hợp đồng từng năm không thực hiện hồ sơ đấu giá đối với công ty TNHH SX TM DV XNK Huyền Trân, giá trị hợp đồng 600.000.000 đ/năm chưa bao gồm chi phí điện, nước, phí bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Hợp đồng số 0107/LTT-HT-2021 ngày 01/7/2021;

- Hợp đồng số 0607/LTT-HT-2022 ngày 01/7/2022;
- Hợp đồng số 0607/LTT-HT-2023 ngày 01/7/2023;
- Hợp đồng số 0607/LTT-HT-2024 ngày 01/7/2024.

Trường ghi nhận doanh thu:

TT	Năm	Doanh thu	Chi phí		Phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi	
			Nộp thuế GTGT (5%) + TNDN (5%)	Chi hoạt động	Trích CCTL 40%	Trích lập quỹ PTHĐSN, Phúc lợi...
1	2021	180.000.000	18.000.000	5.700.000	62.520.000	93.780.000
2	2022	540.000.000	54.000.000	77.000.000	163.600.000	245.400.000
3	2023	600.000.000	60.000.000	205.326.500	133.869.400	200.804.100
4	2024	600.000.000	60.000.000	102.062.366	175.175.054	262.762.580

Số tiền thu được sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế và các chi phí liên quan sau khi xác định chênh lệch thu lớn hơn chi trường trích cải cách tiền lương và trích lập quỹ theo cơ chế tài chính.

4.4.2. Về căn tin

Trường cho thuê căn tin với diện tích: 675,2 m². Ngày 13 tháng 11 năm 2017 thực hiện đấu thầu căn tin đạt chuẩn hiện đại, văn minh và ký Hợp đồng số 01512/LTT-KTXD ngày 15/12/2017 thời hạn 5 năm với Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo KTXD, giá trị hợp đồng 300.000.000 đ/năm chưa bao gồm chi phí điện, nước, phí bảo vệ môi trường.

Từ ngày 05/12/2020, trường ký các hợp đồng không thực hiện hồ sơ đấu giá đối với Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo KTXD, giá trị hợp đồng 300.000.000 đ/năm chưa bao gồm chi phí điện, nước, phí bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Hợp đồng số 01512/LTT-KTXD ngày 05/12/2020;
- Hợp đồng số 011221/LTT-KTXD ngày 01/12/2021;
- Hợp đồng số 010423/LTT-KTXD ngày 31/3/2023;
- Hợp đồng số 010424/LTT-KTXD ngày 01/04/2024.

Trường ghi nhận doanh thu:

TT	Năm	Doanh thu	Chi phí		Phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi	
			Nộp thuế GTGT (5%) + TNDN (5%)	Chi hoạt động	Trích CCTL 40%	Trích lập quỹ PTHĐSN, Phúc lợi...
1	2021	90.000.000	9.000.000	5.700.000	30.120.000	45.180.000
2	2022	270.000.000	27.000.000	47.310.000	78.276.000	117.414.000
3	2023	324.000.000	32.400.000	162.350.340	51.699.864	77.549.796
4	2024	330.000.000	33.000.000	215.819.001	32.472.400	48.708.599

Số tiền thu được sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế và các chi phí liên quan sau khi xác định chênh lệch thu lớn hơn chi trường trích cải cách tiền lương và trích lập quỹ theo cơ chế tài chính.

4.4.3. Về tòa nhà KONE

Tòa nhà KONE là dự án Xây dựng trung tâm đào tạo về lĩnh vực thang máy và thang cuốn cho Kỹ thuật viên Cơ điện chuyên nghiệp được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 do Công ty TNHH KONE Việt Nam (Hà Lan) đầu tư bằng vốn viện trợ không hoàn lại.

Thực hiện bàn giao và tiếp nhận tài sản do Công ty TNHH Kone Việt Nam trao tặng cho Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh dưới hình thức tài trợ: “*chìa khóa trao tay*”; Mục đích sử dụng: Đào tạo Kỹ thuật viên Thang cuốn và Thang máy ngành Cơ điện tử.

Trường cam kết hiện nay Tòa nhà Kone không cho thuê tài sản công.

4.4.4. Về sân bóng đá, bóng rổ

Trường cho thuê sân bóng đá với diện tích: 7.840 m². Ngày 15 tháng 7 năm 2016 thực hiện đấu thầu gói thầu Xã hội hóa xây dựng sân bóng đá phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường; ký Hợp đồng số 06/HĐ-PS ngày 19 tháng 7 năm 2016 thời hạn 5 năm (từ 01/9/2016 đến 31/8/2021) với Công ty TNHH Một thành viên DV-ĐT-TM Phong Sơn với giá trị hợp đồng 40.000.000 đ/tháng.

Từ ngày 05/12/2020, trường ký các hợp đồng không thực hiện hồ sơ đấu giá đối với Công ty TNHH Một thành viên DV-ĐT-TM Phong Sơn. Cụ thể:

- Hợp đồng số 06/HĐ-PS ngày 01/9/2020, giá trị hợp đồng 44.000.000 đ/tháng chưa bao gồm chi phí điện, nước;
- Hợp đồng số 06/HĐ-PS ngày 01/9/2021, giá trị hợp đồng 48.000.000 đ/tháng chưa bao gồm chi phí điện, nước;

- Hợp đồng số 06/HĐ-PS ngày 01/9/2022, giá trị hợp đồng 52.000.000 đ/tháng chưa bao gồm chi phí điện, nước;

- Hợp đồng số 06/HĐ-PS ngày 01/9/2023, giá trị hợp đồng 52.000.000 đ/tháng chưa bao gồm chi phí điện, nước.

Trường ghi nhận doanh thu:

TT	Năm	Doanh thu	Chi phí		Phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi	
			Nộp thuế GTGT (5%) + TNDN (5%)	Chi hoạt động	Trích CCTL 40%	Trích lập quỹ PTHĐSN, Phúc lợi...
1	2021	192.000.000	19.200.000	19.240.000	61.424.000	92.136.000
2	2022	496.000.000	49.600.000	58.025.304	155.349.878	233.024.818
3	2023	624.000.000	62.400.000	63.050.000	199.420.000	299.130.000
4	2024	624.000.000	62.400.000	78.100.000	193.400.000	290.100.000

Số tiền thu được sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế và các chi phí liên quan sau khi xác định chênh lệch thu lớn hơn chi trường trích cải cách tiền lương và trích lập quỹ theo cơ chế tài chính.

4.4.5. Về việc cho thuê ký túc xá

a) Đối với Công ty Global Peace International thuê Ký túc xá

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh cho thuê 07 phòng ký túc xá với Công ty Global Peace International không thực hiện hồ sơ đấu giá:

- Hợp đồng số 01/2024/HĐTN/LPI ngày 08/7/2024 phòng 713, 714 từ ngày 10/7/2024 đến 30/6/2025, giá trị hợp đồng 6.400.000 đ/tháng; Biên bản thanh lý số 01/2024/HĐTN/LPI ngày 15/12/2024.

- Hợp đồng số 02/2024/HĐTN/LPI ngày 01/9/2024 phòng 713, 311 từ ngày 01/9/2024 đến 30/8/2025, giá trị hợp đồng 6.400.000 đ/tháng; Phụ lục số 01 ngày 01/11/2024 giảm phòng 712;

- Hợp đồng số 03/2024/HĐTN/LPI ngày 01/10/2024 phòng 711 từ ngày 01/10/2024 đến 30/11/2025, giá trị hợp đồng 3.200.000 đ/tháng;

- Hợp đồng số 01/2024/HĐTPH/LPI ngày 01/07/2024 phòng K.107 từ ngày 01/7/2024 đến 30/6/2025, giá trị hợp đồng 5.000.000 đ/tháng;

- Hợp đồng số 02/2024/HĐTPH/GPI ngày 01/10/2024 phòng K.106 từ ngày 01/10/2024 đến 30/9/2025, giá trị hợp đồng 10.000.000 đ/tháng.

Trường ghi nhận doanh thu:

TT	Năm	Doanh thu	Chi phí		Phân phối chênh lệch thu lớn hơn chi	
			Nộp thuế GTGT (5%) + TNDN (5%)	Chi hoạt động	Trích CCTL 40%	Trích lập quỹ PTHĐSN, Phúc lợi...
1	2024	192.800.000	19.280.000	19.280.000	61.696.000	92.544.000

b) Đối với Dịch vụ Internet Wifi Ký túc xá

Trường ký Hợp đồng số 038/HĐHT/NETNAM-CĐLTT/2020 với Công ty Cổ phần NETNAM ngày 01/10/2020 thời hạn 03 năm hiệu lực từ ngày ký, đồng thời hợp đồng mặc nhiên gia hạn và có hiệu lực tiếp theo cho từng năm, giá trị hợp đồng hưởng khoản doanh thu phân chia 15% trên tổng doanh thu bán thẻ, đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông, hệ thống truy cập và cung cấp độc quyền dịch vụ internet Wifi trong khu vực Ký túc xá nhằm phục vụ cho sinh viên.

Trường ghi nhận doanh thu là khoản thu hộ chi hộ:

STT	Năm	Doanh thu	Chi hỗ trợ các phòng ban tham gia công tác thu tiền bán thẻ cào wifi
1	2021	7.698.000	7.698.000
2	2022	20.524.500	20.524.500
3	2023	12.380.250	12.380.250
4	2024	9.495.000	9.495.000

c) Đối với Dịch vụ máy giặt Ký túc xá

Trường ký hợp tác cung cấp dịch vụ máy giặt cho sinh viên ký túc xá tại Hợp đồng số 0409/HĐ-HTKD-2020 ngày 04 tháng 9 năm 2020 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ TVC thời hạn 05 năm, chi phí dịch vụ 30.000 đ/tháng/máy/sinh viên.

Theo thông báo số 65/TB-LTT-KHTC ngày 11/02/2022 về thu tiền Ký túc xá, sinh viên ở Ký túc xá được sử dụng máy giặt miễn phí. Do đó, Trường không ghi nhận doanh thu.

4.4.6. Về việc cho các tổ chức thuê phòng học

Trường ký hợp đồng cho thuê phòng với các đối tác, không thực hiện hồ sơ đấu giá, gồm:

(1) Công ty TNHH OJT JAPAN: tại Hợp đồng số 001/HĐMCSVC-OJT-LTT ngày 01/7/2023 thuê 04 phòng dãy H từ H1.3-01 đến H1.3-04 và 02 phòng 607, 608 ký túc xá tầng 6 thời hạn từ 01/7/2023 đến 30/6/2024, giá trị hợp đồng 42.000.000 đ/tháng. Biên bản thanh lý Hợp đồng số 02.2024/HĐMCSVC-OJT-

LTT ngày 29/02/2024.

(2) Công ty Cổ phần Trường huấn luyện doanh nhân CEO Việt Nam: thuê phòng K.107 ký túc xá, giá trị hợp đồng 10.000.000 đ/tháng tại Hợp đồng số 01/HĐTVP-LTT-CEO ngày 01/3/2021 thời hạn từ 01/3/2021 đến 28/02/2022; Hợp đồng số 01/HĐTVP-LTT-CEO ngày 01/3/2023 thời hạn từ 01/3/2022 đến 28/02/2023. Biên bản thanh lý Hợp đồng số 07.2023/BBTL/LTT-CEO ngày 18/08/2023

Trường ghi nhận doanh thu:

STT	Năm	Doanh thu	Chi phí			
			Nộp thuế GTGT (5%) + TNDN (5%)	Chi hoạt động	Trích CCTL 40%	Trích lập quỹ PTHĐSN, Phúc lợi...
1	2021	190.000.000	19.000.000	26.459.400	57.816.240	86.724.360
2	2022	240.000.000	24.000.000	101.800.000	45.680.000	68.520.000
3	2023	382.000.000	38.200.000	37.240.000	122.624.000	183.936.000
4	2024	294.500.000	29.450.000	27.013.500	95.214.600	142.821.900

Số tiền thu được sau khi trừ đi nghĩa vụ nộp thuế và các chi phí liên quan sau khi xác định chênh lệch thu lớn hơn chi trường trích cải cách tiền lương và trích lập quỹ theo cơ chế tài chính.

4.4.7. Về việc liên kết, hợp tác Trung tâm chăm sóc xe Toyota Logitec

Trường ký hợp đồng liên kết hợp tác Trung tâm chăm sóc xe Toyota Logitec lĩnh vực đào tạo thực hành các môn học cho sinh viên chuyên ngành ô tô tại Hợp đồng số 1005/LTT-JP ngày 01/10/2022 cải tạo xây dựng nhà xưởng Trung tâm chăm sóc xe Lý Tự Trọng Toyota Logitec với Công ty TNHH JAPAN BODY COATING, thời hạn từ 01/10/2022 đến 30/9/2023. Biên bản thanh lý Hợp đồng số 07.2024/LTT-JP ngày 01/08/2024. Trường không ghi nhận doanh thu.

4.4.8. Nhận xét, đánh giá

a) Trường cho thuê tài sản công theo hình thức đấu thầu là chưa đúng hình thức cho thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản số 57/GĐĐT-KHTC, theo đó có nội dung chỉ đạo:

“Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức rà soát các hợp đồng cho thuê tại đơn vị và trong trường hợp hết thời hạn thì tổ chức đấu giá lại việc cho thuê (nếu có) trong thời hạn hợp đồng 01 năm từ năm 2020 trong thời gian chờ phê duyệt Đề án. Hình thức cho thuê để thực hiện các hoạt động phụ trợ, hỗ trợ giáo dục tại đơn vị có sử dụng cơ sở vật chất tài sản công đều phải thực hiện theo

hình thức đấu giá, giá cho thuê là giá trúng đấu giá căn cứ theo Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và việc xác định giá cho thuê phù hợp với giá thực tế cho thuê trên thị trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 57 Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Khoản 3, Khoản 4 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP”.

Do đó, Trường thực hiện không đúng chỉ đạo tại Công văn số 57/GDĐT-KHTC đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, chưa thực hiện đấu giá các nội dung:

(1) Cho thuê giữ xe máy (Công ty TNHH SX TM DV XNK Huyện Trân);

(2) Cho thuê căn tin (Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo KTXD);

(3) Cho thuê sân bóng, bóng rổ (Công ty TNHH Một thành viên DV-ĐT-TM Phong Sơn) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

(4) Cho thuê phòng học và phòng ký túc xá (các tổ chức như: Công ty tư vấn du học OJT; Trường đào tạo doanh nhân CEO; Trung tâm dịch vụ Toyota; Công ty Global Peace International) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

b) Nhiều khoản chi được nêu tại Sổ chi tiết tài khoản: chưa hợp lý không phục vụ cho nội dung thu về nội dung cho thuê giữ xe máy (*Chi tiết tại Phụ lục II*); Cho thuê căn tin (*Chi tiết tại Phụ lục III*); Cho thuê sân bóng đá, bóng rổ (*Chi tiết tại Phụ lục IV*) theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 46 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

c) Dự án Xây dựng trung tâm đào tạo về lĩnh vực thang máy và thang cuốn cho Kỹ thuật viên Cơ điện chuyên nghiệp được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 do Công ty TNHH KONE Việt Nam (Hà Lan) đầu tư bằng vốn viện trợ không hoàn lại, trường không ghi nhận doanh thu.

d) Trường ký hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet Wifi Ký túc xá ghi nhận doanh thu khoản thu hộ chi hộ là chưa đúng quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC.

đ) Về hợp tác cung cấp dịch vụ máy giặt cho sinh viên ký túc xá: theo Thông báo số 65/TB-LTT-KHTC ngày 11/02/2022 và Thông báo số 320/TB-LTT-KHTC ngày 23/5/2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thu tiền Ký túc xá, sinh viên ở Ký túc xá được sử dụng máy giặt miễn phí, trường không ghi nhận doanh thu.

e) Hợp đồng liên kết hợp tác Trung tâm chăm sóc xe Toyota Logitec lĩnh vực đào tạo thực hành các môn học cho sinh viên chuyên ngành ô tô tại Hợp đồng số 1005/LTT-JP ngày 01/10/2022 cải tạo xây dựng nhà xưởng Trung tâm chăm sóc xe Lý Tự Trọng Toyota Logitec với Công ty TNHH JAPAN BODY COATING, trường không ghi nhận doanh thu.

4.5. Đối với các thông tin phản ánh về hoạt động giáo dục nghề nghiệp

4.5.1. Công tác tuyển sinh

a) Trường có thực hiện đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh; có ban hành Quy chế tuyển sinh; có thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh hàng năm. Tuy nhiên, còn có Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng ký ban hành.

b) Trường có ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển của từng Khóa. Tuy nhiên, việc ban hành Quyết định không căn cứ theo kết luận của Hội đồng tuyển sinh, chỉ căn cứ theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo.

c) Trường có lưu trữ hồ sơ tuyển sinh. Tuy nhiên, hồ sơ nhập học của người học không đầy đủ theo quy định; có hồ sơ mâu thuẫn về mặt thời gian so với Quyết định công nhận trúng tuyển¹⁸.

d) Hội đồng tuyển sinh có tổ chức họp, ghi biên bản, tuy nhiên nội dung họp của nhiều biên bản có nhiều điểm không phù hợp như: không chốt số lượng người học được trúng tuyển¹⁹; số lượng người học được trúng tuyển không thống nhất với Quyết định công nhận trúng tuyển²⁰; có phiên họp Hội đồng tuyển sinh do Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì nhưng không có văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng²¹; có phiên họp Hội đồng tuyển sinh nhưng thời gian họp (ngày 10/10/2019) sau khi có quyết định trúng tuyển và quyết định thành lập lớp (ngày 03/10/2019).²²

đ) Hồ sơ liên quan của lớp Tin học ứng dụng²³ (*đối tượng nhập học là cán bộ, nhà giáo, viên chức của Trường*), thành viên kiểm tra phát hiện: Chỉ tiêu tuyển sinh vượt quy mô được cấp (*110 người học trúng tuyển / chỉ tiêu 65 người học/năm trình độ trung cấp*); Hồ sơ người học không đầy đủ, cá biệt có trường hợp không nộp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không có học bạ, không có giấy khai sinh,...

e) Thực hiện tuyển sinh sai đối tượng đối với lớp 21T4-ANM1 An ninh mạng: Quyết định công nhận **trúng tuyển bậc cao đẳng chính quy**, hệ 4 năm, mã khóa 21T4 nhưng **đối tượng trúng tuyển chỉ tốt nghiệp bậc THCS**.

g) Về đào tạo liên thông²⁴, một số nội dung sai sót được phát hiện gồm:

- Các Quyết định trúng tuyển của lớp không phù hợp thời gian đào tạo của Khóa²⁵;

- Người học có trình độ trung cấp không phù hợp với chuyên ngành Công

¹⁸ Khóa 21C1-CCK3

¹⁹ Khóa 21C1-CCK3, 21T4-ANM1, 24C2-ANM1

²⁰ Khóa 21C1-CCK3

²¹ Khóa 22C2B-CNO1

²² Khóa 19T5

²³ Lớp 19T5 Tin học Ứng dụng

²⁴ Hồ sơ lớp Cao đẳng liên thông khóa 2022 (22C2B) ngành Công nghệ ô tô

²⁵ Khóa thực hiện tuyển sinh năm 2022 nhưng có các Quyết định công nhận trúng tuyển có thời gian ban hành vào cuối năm 2022, năm 2023, năm 2024, năm 2025.

nghe ô tô trình độ cao đẳng²⁶;

- Bằng cấp người học cung cấp không phù hợp với thời gian nhập học của khóa học²⁷.

- Quyết định thành lập lớp (mở lớp) ban hành ngày 01/11/2022, tuy nhiên, nhiều Quyết định trúng tuyển lớp hệ Cao đẳng liên thông khóa 2022 (22C2B) ngành Công nghệ ô tô có thời gian ban hành sau Quyết định thành lập lớp²⁸.

4.5.2. Công tác tổ chức quá trình đào tạo

4.5.2.1. Hệ đào tạo chính quy

a) Trường tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ, thực hiện theo các quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp do nhà trường ban hành.

b) Trường có ban hành quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kiểm tra, Trường đang cùng thực hiện 03 quy định về thực hiện chương trình đào tạo từ năm 2017 đến nay²⁹ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung liên quan.

c) Có ban hành thời khóa biểu của Khóa đào tạo.

d) Hồ sơ liên quan của lớp Tin học ứng dụng³⁰ (*đối tượng nhập học là cán bộ, nhà giáo, viên chức của Trường*), thành viên kiểm tra phát hiện:

- Bắt đầu tổ chức hoạt động đào tạo trước khi người học được công nhận trúng tuyển, mở lớp³¹ và phê duyệt giáo trình đào tạo của ngành được phê duyệt³².

- Khóa học được công nhận trúng tuyển và mở lớp theo hình thức chính quy nhưng được sắp xếp tiến độ đào tạo và thời khóa biểu theo hình thức vừa làm vừa học, thời gian đào tạo từ 18 giờ đến 22 giờ hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần

²⁶ (1) Nguyễn Thái Hòa (11/12/2004), trình độ trung cấp ngành Tin học ứng dụng; (2) Nguyễn Minh Trí (25/10/2003), trình độ trung cấp ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô; (3) Hoàng Vũ Khánh Toàn (18/01/2004), trình độ trung cấp ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô

²⁷ Khóa học bắt đầu từ ngày 01/11/2022, tuy nhiên hồ sơ học viên có 33 người học có bằng trung cấp vào ngày 18/11/2022; 07 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 09/01/2023 và 01 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 05/5/2023

²⁸ Quyết định số 964/QĐ-LTT-ĐT ngày 30/12/2022; Quyết định số 324/QĐ-LTT-ĐT ngày 05/6/2023; Quyết định số 884/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/12/2023; Quyết định số 374/QĐ-LTT-ĐT ngày 04/7/2024; Quyết định số 694/QĐ-LTT-ĐT ngày 24/10/2024; Quyết định số 122/QĐ-LTT-ĐT ngày 17/3/2025

²⁹ (1) Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/7/2017; (2) Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18/6/2020; (3) Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08/7/2022

³⁰ Lớp 19T5 Tin học Ứng dụng

³¹ Môn học đầu tiên (Kỹ thuật lập trình) bắt đầu từ ngày 26 tháng 8 năm 2019, tuy nhiên, khóa 19T5 được công nhận trúng tuyển và mở lớp từ ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định số 1150/QĐ-LTT-ĐT của Hiệu trưởng trường CĐ LTT TP. HCM

³² Quyết định số 1480A/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/11/2019 của Hiệu trưởng trường CĐ LTT TP. HCM

bắt đầu từ ngày 26/8/2019.

- Đối với việc thực tập tốt nghiệp, Trường bố trí cho người học thực tập từ ngày 17/02/2020 đến ngày 28/03/2020 tại các doanh nghiệp nhưng không có lập Sơ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; Không quy định nội dung thực hành, thực tập; Kết quả thực hành, thực tập của người học không có xác nhận của doanh nghiệp nơi đến thực tập và các nội dung khác có liên quan tới đào tạo tại doanh nghiệp. Đồng thời, người học là các cán bộ quản lý, nhà giáo của trường, có lịch làm việc hàng tuần tại Trường trong thời gian thực tập và có lịch học buổi tối các ngày trong tuần trong thời gian thực tập. Do đó có sự mâu thuẫn về thời gian làm việc và thời gian thực tập của Lớp.

- Thời gian đào tạo của chỉ 09 tháng³³, không đảm bảo thời gian đào tạo hệ trung cấp đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: từ 01 năm đến 1,5 năm theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nhà trường tại Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT.

đ) Hồ sơ liên quan của lớp 21C1-CCK3, thành viên kiểm tra phát hiện:

- Trong chương trình đào tạo thể hiện 42 môn học, kế hoạch giảng dạy thực tế 35 môn học/42 môn học (*trong đó, số môn học không chọn không bắt buộc là 07/11 môn học*). Tuy nhiên, thời khóa biểu cung cấp cho Đoàn kiểm tra chỉ thể hiện 32 môn học/35 môn học.

- Trường tổ chức đào tạo cho học sinh trước khi có Quyết định trúng tuyển³⁴.

4.5.2.2. Đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng³⁵

a) Trường tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ.

b) Đối với lớp 24C2-ANM1, Trường có ban hành thời khóa biểu của khóa học, tuy nhiên thời gian khóa học trong chương trình đào tạo liên thông cao đẳng ngành An ninh mạng là 1,5 năm, không đảm bảo theo Quy chế tuyển sinh (liên thông học 1 năm).

c) Đối với lớp 22C2B-CNÔ1, Trường tổ chức đào tạo cho người học trước khi có Quyết định trúng tuyển và chưa phù hợp với tiến độ đào tạo chung của Khóa³⁶.

4.5.2.3. Công tác liên kết đào tạo

a) Theo hồ sơ, Trường có tổ chức thực hiện liên kết đào tạo với các đơn vị:

³³ Ngày 26/8/2019 bắt đầu Khóa học và ngày 21/5/2020 xét công nhận tốt nghiệp bậc trung cấp.

³⁴ Theo thời khóa biểu học kỳ của khóa 21C1, môn học đầu tiên (Máy cắt kim loại) bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2021. Tuy nhiên, khóa 21C1 được công nhận trúng tuyển và mở lớp từ ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định số 1269/QĐ-LTT-ĐT và Quyết định số 1270/QĐ-LTT-ĐT của Hiệu trưởng trường CĐ LTT TP. HCM

³⁵ Hồ sơ đào tạo liên thông của 02 lớp: khóa 2021 (21T4) ngành An ninh mạng, trình độ Cao đẳng hệ 4 năm (gồm 03 năm học trung cấp và 01 năm học liên thông cao đẳng - 24C2-ANM1) và khóa 2022 (22C2B) ngành Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp liên thông lên trình độ Cao đẳng, lớp 22C2B-CNÔ1

³⁶ Môn học đầu tiên theo thời khóa biểu (Cơ lý thuyết) bắt đầu từ ngày 10/11/2022; Quyết định mở lớp ngày 01/11/2022; các Quyết định trúng tuyển bắt đầu từ ngày 30/12/2022; 05/6/2023; 29/12/2023; 04/7/2024; 24/10/2024; 17/3/2025.

Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Duyên Hải; Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước; Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11; Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12; Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

b) Trường có ký kết biên bản ghi nhớ và ký kết hợp đồng liên kết đào tạo với các đơn vị liên kết đào tạo.

c) Có lưu trữ hồ sơ tuyển sinh, xét tuyển của các khóa liên kết đào tạo. Tuy nhiên, phần lớn hồ sơ chưa đầy đủ các thành phần theo quy định (*thiếu: giấy khai sinh, học bạ, bản sao bằng tốt nghiệp THCS tạm thời, bản sao hộ khẩu thường trú*); có một số trường hợp học sinh sai ngành học, xét tuyển năm 2023 nhưng có một số giấy đăng ký xét tuyển năm 2024.

d) Không có biên bản họp Hội đồng xét tuyển.

đ) Danh sách trúng tuyển của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM và Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11 có 36 học sinh trùng tên với nhau³⁷.

e) Danh sách trúng tuyển của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM và Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12 có 205 học sinh trùng tên với nhau³⁸.

g) Trường không ban hành Quyết định thành lập lớp riêng, chỉ cung cấp danh sách lớp hệ trung cấp tại các đơn vị liên kết đào tạo.

h) Không thu thập được các hồ sơ liên quan đến việc quản lý sử dụng tài sản công của các đơn vị công lập thực hiện liên kết đào tạo với Trường.

i) Việc tổ chức đào tạo tại các địa điểm liên kết (*ngoài trụ sở ghi trong giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường*) không được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

k) Trường không thực hiện việc báo cáo theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4.5.2.4. Về các loại hồ sơ, sổ sách đơn vị sử dụng trong quá trình đào tạo

a) Có sử dụng tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, sổ quản lý học sinh sinh viên,

³⁷ Theo các QĐ: (1) Quyết định số 607/QĐ-LTT-ĐT ngày 30/9/2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM về việc sinh viên trúng tuyển nhập học chương trình đào tạo trình độ Trung cấp tại Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11 năm 2024. Tổng số 36 học sinh ngành Tiếng Anh; (2) Quyết định số 841/QĐ-LTT-ĐT ngày 09/12/2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM về việc sinh viên trúng tuyển nhập học chương trình đào tạo trình độ Trung cấp tại Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11 năm 2024 - bổ sung. Tổng số 07 học sinh ngành Tiếng Anh; (3)

Quyết định số 478/QĐ-GDNN-GDTX ngày 01/10/2024 của Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11 về việc công nhận trúng tuyển năm học 2024-2025 với 1095 học viên, gồm 201 học viên tại điểm học cơ sở 1, 762 học viên tại điểm học Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP. HCM, 10 học viên tại điểm học Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ TP. HCM, 122 học viên tại điểm học Trường Trung cấp nghề Bình Thạnh.

³⁸ Theo các QĐ: (1) Quyết định số 448/QĐ-LTT-ĐT ngày 07/8/2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM về việc sinh viên trúng tuyển nhập học chương trình đào tạo trình độ Trung cấp tại Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12 năm 2024; (2) Quyết định số 171/QĐ-GDNN-GDTX ngày 27/8/2024 của Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12 về việc công nhận trúng tuyển năm học 2024-2025 với 2349 học viên và đề nghị đăng ký thủ tục nhập học tại Trung tâm theo quy định.

Sổ cấp bằng tốt nghiệp. Tuy nhiên, Sổ cấp bằng tốt nghiệp không thực hiện theo đúng mẫu quy định. Nhà trường sử dụng hồ sơ thực tập tốt nghiệp thay thế cho Sổ theo dõi đào tạo tại Doanh nghiệp, tuy nhiên thành phần hồ sơ không đầy đủ nội dung theo quy định (*không có nội dung thực hành, thực tập, kết quả thực hành, thực tập và các nội dung khác liên quan đến việc thực tập tại doanh nghiệp*). Nhà trường không có Kế hoạch đào tạo và Sổ lên lớp.

b) Hồ sơ liên quan của lớp Tin học ứng dụng³⁹ (*đối tượng nhập học là cán bộ, nhà giáo, viên chức của Trường*), Trường có sử dụng tiến độ đào tạo, tuy nhiên hình thức đào tạo không đúng theo quy định (*mở lớp hệ chính quy nhưng sử dụng tiến độ đào tạo hình thức vừa làm vừa học*), thời gian và tiến độ khóa học mâu thuẫn với thời gian mở lớp.

c) Về các loại hồ sơ, sổ sách dành cho giáo viên tại đơn vị sử dụng trong quá trình đào tạo: có sử dụng giáo án và sổ tay giáo viên. Trường không có Kế hoạch giảng dạy riêng, kết hợp kế hoạch giảng dạy trong chương trình nhưng không đảm bảo theo quy định (*nội dung phải có các nội dung chính: Thứ tự bài giảng, tên bài giảng, số giờ, thời gian thực hiện ở từng lớp, thiết bị, đồ dùng dạy học cho bài học*).

d) Riêng đối với môn Kỹ năng mềm không có sổ tay giáo viên Nguyễn Mai Chinh (*do nhà trường báo cáo môn học Kỹ năng mềm được tổ chức tại Hội trường cho 300 học sinh sinh viên các khoa, do các phòng ban hỗ trợ điểm danh và các hoạt động giáo vụ trong quá trình giảng dạy và được lưu trên phần mềm*).

4.5.2.5. Việc xét miễn trừ môn học cho người học

Việc xét miễn trừ môn học được Trường thực hiện đối với người học của lớp Tin học ứng dụng⁴⁰ (*đối tượng nhập học là cán bộ, nhà giáo, viên chức của Trường*), tuy nhiên việc miễn trừ môn học các môn Anh văn, Tin học, Giáo dục chính trị, Pháp luật thực hiện chưa đúng quy định, cụ thể:

a) Đối với môn Anh văn:

Trường thực hiện việc miễn học môn Tiếng Anh⁴¹ cho 24 người học, theo hồ sơ do Trường cung cấp: 21 người học được miễn học do có bằng cử nhân ngôn ngữ Anh hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh ở các trình độ B1, B2, B, Ielts, Toeic, Toefl; 03 người học⁴² sử dụng các chứng nhận tương đương B1 (năm 2012), chứng chỉ Toeic, Ielts đã hết thời hạn công nhận nhưng vẫn được Hiệu trưởng nhà trường xét miễn học môn Tiếng Anh.

³⁹ Lớp 19T5 Tin học Ứng dụng.

⁴⁰ Lớp 19T5 Tin học Ứng dụng.

⁴¹ Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh: “Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau: (1) Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; (2) Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.”

⁴² (1) Chung Trần Thế Vinh; (2) Nguyễn Minh Đức Cường; (3) Lê Nguyễn Mỹ Trâm

b) Đối với môn Tin học

Trường thực hiện miễn học môn Tin học cho 14 người học, theo hồ sơ do Trường cung cấp: 11 người học được miễn học do có chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản, Chứng chỉ tin học ứng dụng, Tin học văn phòng A, B; 03 người học⁴³ sử dụng chứng chỉ đào tạo tin học ứng dụng cơ bản nhưng vẫn được Hiệu trưởng nhà trường xét miễn học môn Tin học.

c) Đối với môn Pháp luật

Trường thực hiện miễn học môn Pháp luật cho 01 người học⁴⁴, tuy nhiên, theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH⁴⁵ ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH⁴⁶ ngày 13/3/2017 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, không có nội dung quy định việc miễn học môn Pháp luật.

d) Đối với môn Chính trị

Trường thực hiện miễn học môn Chính trị cho 02 người học, theo hồ sơ do Trường cung cấp: 01 người học⁴⁷ được miễn học môn Chính trị do có bằng thạc sĩ triết học và đang học lớp Trung cấp chính trị; 01 người học⁴⁸ được miễn học môn Chính trị do có bằng cử nhân khoa học chuyên ngành giáo dục chính trị. Tuy nhiên, tại thời điểm xét miễn học, không có quy định⁴⁹ liên quan việc công nhận tương đương giữa trình độ trung cấp lý luận chính trị với trình độ thạc sĩ triết học; và giữa các trình độ lý luận chính trị với trình độ cử nhân khoa học chuyên ngành giáo dục chính trị.

đ) Đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trường thực hiện miễn học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cho 70 người học. Tuy nhiên, Trường không cung cấp hồ sơ minh chứng liên quan đến trình độ người học để xét miễn học⁵⁰. Do đó, không đủ cơ sở để nhận xét nội dung này.

⁴³ (1) Chung Trần Thế Vinh; (2) Cao Thị Hồng Thắm; (3) Trần Thị Hồng Thu

⁴⁴ Huỳnh Thị Xuân Mai

⁴⁵ Ban hành chương trình môn học pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

⁴⁶ Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

⁴⁷ Cao Thị Hồng Thắm

⁴⁸ Trần Thị Hồng Thu

⁴⁹ Theo quy định tại theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 và Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH: “Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, miễn thi tốt nghiệp đối với môn học Chính trị thuộc các môn học chung trong trường hợp người học đã tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp, cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương”

⁵⁰ Theo quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ LĐTBXH: “Học sinh, sinh viên được miễn học, kiểm tra, thi kết thúc môn học nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Có bằng tốt nghiệp từ trình độ trung cấp trở lên do cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp thì được miễn học, miễn kiểm tra, thi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc thấp hơn

4.5.2.6. Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và cho điểm đối với người học được ghi nhận trong Sổ tay giáo viên. Tuy nhiên, qua đối chiếu giữa chương trình đào tạo và số lần kiểm tra thường xuyên, định kỳ phát hiện một số nội dung mâu thuẫn như sau:

(i) Các môn thực hành (*đơn cử Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô ban hành kèm Quyết định số 957/QĐ-LTT ngày 30/12/2022*) trong chương trình đào tạo quy định thời lượng dành cho kiểm tra là 0 giờ, nhưng người học vẫn có điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

(ii) Nhà giáo Nguyễn Mai Chinh giảng dạy môn học Kỹ năng mềm không có Sổ tay giáo viên, không ghi nhận việc kiểm tra thường xuyên, định kỳ nhưng người học vẫn có điểm đánh giá.

b) Đối với việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun:

- Trường tổ chức thi kết thúc môn học mà không có danh sách người học đủ và không đủ điều kiện dự thi.

- Có lịch thi tập trung ở các môn học lý thuyết.

- Môn học thực hành không có lịch thi nhưng vẫn có điểm thi.

- Bài thi trên giấy của người học có nhiều điểm không phù hợp với quy định tổ chức thi của Trường như: bài thi không thực hiện đánh phách, cắt phách; bài thi thiếu chữ ký của giám khảo; bài thi được giám khảo chấm sơ sài, không đánh giá điểm chi tiết, chỉ ghi điểm tổng.

4.5.2.6. Việc ban hành Chương trình đào tạo, Giáo trình đào tạo

a) Đối với Chương trình đào tạo⁵¹

- Trường có thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo; Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo;

- Trường có tổ chức họp Hội đồng thẩm định và lập Biên bản họp;

- Trường có ban hành Chương trình đào tạo;

- Đoàn kiểm tra phát hiện một số nội dung như sau:

+ Tên và chức danh các thành viên không đúng theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

+ Hồ sơ không có minh chứng thể hiện trình độ, năng lực của thành viên biên soạn chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017;

+ Cơ cấu Hội đồng chưa đảm bảo theo quy định (*Hội đồng không có thành*

⁵¹ Theo Chương II, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

viên là nhà giáo đang giảng dạy ở cấp trình độ đào tạo và ngành, nghề tương ứng; không có ủy viên phản biện thuộc một cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác và đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp).

+ Hồ sơ không có minh chứng thể hiện tiêu chuẩn, năng lực của thành viên Hội đồng thẩm định theo quy định tại Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

+ Hồ sơ họp Hội đồng thẩm định không có phiếu biểu quyết và phiếu thẩm định của từng thành viên Hội đồng thẩm định.

+ Hiệu trưởng nhà trường ban hành Chương trình đào tạo nhưng không kèm theo Chương trình chi tiết. Các chương trình chi tiết do Trưởng Khoa ký duyệt nội dung.

+ Thành viên đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham gia các phiên họp Hội đồng thẩm định, được ghi nhận tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định thể hiện nội dung không phù hợp, cụ thể:

(1) Trường hợp ông Đặng Minh Sự - Trưởng phòng Giáo dục nghề nghiệp có tên trong Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô thuộc khoa Cơ khí⁵², Hội đồng thẩm định tổ chức họp và ghi biên bản ngày 26/6/2020 (*có sự tham dự của ông Đặng Minh Sự*), tuy nhiên, trong ngày 26/6/2020, lịch công tác tuần của Trường thể hiện nội dung “*Hội nghị khoa học Khoa Kinh tế và Phòng Kế hoạch tài chính, Hội thảo khoa học khoa động lực, thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ 30 phút*” và cùng ngày, ông Đặng Minh Sự có nội dung công tác “*tham gia về nguồn tại khu di tích lịch sử Minh Dạm*”.

(2) Trường hợp ông Nguyễn Chí Thành – Phó trưởng phòng Giáo dục nghề nghiệp có tên trong Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí⁵³. Biên bản họp thể hiện ông Nguyễn Chí Thành không dự họp Hội đồng thẩm định.

Tuy nhiên, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội không cử ông Nguyễn Chí Thành tham gia Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo của Trường, nên, việc đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có tên trong Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí này là không phù hợp. Do đó, thành phần Hội đồng thẩm định của Chương trình đào tạo này không đảm bảo theo quy định.

b) Về Giáo trình đào tạo⁵⁴

- Trường có thành lập Ban biên soạn giáo trình; Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo, phê duyệt và đưa vào sử dụng Giáo trình đào tạo các khoa.

- Đoàn kiểm tra phát hiện một số nội dung như sau:

⁵² Quyết định số 444_5/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/5/2020

⁵³ Quyết định số 338_5/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/6/2023

⁵⁴ Theo Chương III, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

+ Hồ sơ không có minh chứng thể hiện tiêu chuẩn, năng lực của thành viên Hội đồng thẩm định Hội đồng theo Khoản 1, Điều 16, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

+ Hồ sơ lưu trữ không có Biên bản thẩm định, các phiếu biểu quyết và phiếu thẩm định của từng thành viên Hội đồng thẩm định.

+ Đối với giáo trình nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí, không có biên bản thẩm định giáo trình đào tạo và không có Hồ sơ không có minh chứng thể hiện tiêu chuẩn, năng lực của thành viên Hội đồng thẩm định Hội đồng theo Khoản 1, Điều 16, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

4.5.3. Việc tổ chức thi tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp cho người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

a) Đối với việc tổ chức thi tốt nghiệp:

- Trường không ban hành danh sách người học đủ điều kiện dự thi và không đủ điều kiện dự thi;

- Trường ban hành thông báo về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp của sinh viên các khóa.

b) Nhà trường có ban hành các Quyết định thành lập/kiện toàn Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh các khóa.

c) Xét tốt nghiệp cho người học (lớp 19T5) khi chưa hoàn thành chương trình đào tạo⁵⁵;

d) Xét công nhận tốt nghiệp cho người học (lớp 19T5) khi chưa đủ điều kiện⁵⁶;

đ) Trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp nhưng không tổ chức họp xét tốt nghiệp (*Quyết định số 458/QĐ-LTT-ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2020, không có biên bản họp xét tốt nghiệp trung cấp*);

e) Nhân sự chủ trì các phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp không là Chủ tịch Hội đồng và không được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền điều hành các phiên họp của Hội đồng⁵⁷.

⁵⁵ Lớp 19T5, Trường xét tốt nghiệp cho 14 người học (gồm: 09 người học lớp THU1 và 05 người học lớp THU2), tuy nhiên, tại thời điểm xét tốt nghiệp ngày 21/5/2020, 14 người học này học môn cuối cùng là Pháp luật theo thời khóa biểu vào ngày 21/5/2020 (trên lịch giảng dạy kèm theo sổ tay giảng viên là 30/5/2020) và chưa có lịch thi kết thúc môn nhưng được xét tốt nghiệp trong ngày 21/5/2020.

⁵⁶ Hồ sơ xét tốt nghiệp cho người học (lớp 19T5) không đảm bảo thành phần theo quy định của Trường tại tại Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2019, không có minh chứng về việc đạt tiêu chuẩn: kỹ năng nghề bậc 2/5, kỹ năng mềm, tiếng Anh. Bên cạnh đó, trích xuất trên phần mềm quản lý EPMT của Trường, ghi nhận thời gian nộp chứng chỉ Anh văn về phòng Đào tạo để xét tốt nghiệp là ngày 20/11/2020. Do đó, tại thời điểm xét công nhận tốt nghiệp (ngày 21/5/2020) thì người học chưa đủ điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp.

⁵⁷ (1) Biên bản cuộc họp đính kèm Quyết định số 429/QĐ-LTT-ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc công nhận tốt nghiệp, ghi nhận ông Đình Văn Đệ (Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch) chủ trì cuộc họp; (2) Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp các môn văn hóa, xét tốt nghiệp trung cấp khóa 21T4 và các khóa cũ lúc 14g00 ngày 19/9/2024 ghi nhận ông Đình Văn Đệ (Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch) chủ trì cuộc họp; (3) Lớp đào tạo liên thông Công nghệ ô tô 22C2B-CN01, nhà trường có tổ chức họp và ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp cho khóa 22C2B, ghi nhận ông Đình Văn Đệ (Phó Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch) chủ trì cuộc họp; (4) Quyết định số 933/QĐ-LTT-ĐT

g) Đối với lớp 21CCK3, Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho 249 người học nhưng chỉ cấp bằng cho những sinh viên đủ điều kiện là chưa đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 và Thông báo số 211/TB-LTT-ĐT ngày 17/4/2023 của trường Cao đẳng Lý Tự Trọng về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp của sinh viên khóa 2021 cao đẳng.

h) Đối với lớp 21T4-ANM1 và lớp 22C2B-CNÔ1, Hội đồng xét tốt nghiệp nhưng biên bản họp không có nội dung về số lượng người học đủ hay không đủ điều kiện tốt nghiệp.

i) Có tổ chức cấp bằng cho người học được công nhận tốt nghiệp nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện được cấp bằng do nhà trường quy định. Có trường hợp người học chưa ký nhận văn bằng nhưng có bản sao văn bằng trong hồ sơ lưu trữ.

Đồng thời ghi nhận trường hợp người học đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp nhưng Trường chưa tổ chức cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình (đối với tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ) theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH.

k) Mặc dù có quy định về năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp⁵⁸ (về kỹ năng nghề, năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin) nhưng Trường không thực hiện việc xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐBXH⁵⁹ ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Khi tổ chức xét tốt nghiệp, Trường chỉ nhập thông tin năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của người học vào phần mềm quản lý của Trường, không có hồ sơ minh chứng như quy định của Trường (*một số trường hợp, Trường sử dụng kết quả đánh giá năng lực ngoại ngữ do Công ty IEG cung cấp*).

4.5.4. Về việc đào tạo môn Kỹ năng mềm

a) Từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2024 – 2025, Trường tổ chức giảng dạy môn học Kỹ năng mềm với hình thức như sau:

- Tại các điểm liên kết đào tạo (*Trà Vinh, Bình Phước*) thực hiện thỉnh giảng giáo viên tại địa phương;

- Tại trụ sở chính, phân công nhà giáo Châu Văn Bảo và hợp đồng với Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế để giảng dạy.

ngày 01 tháng 9 năm 2020, biên bản họp xét tốt nghiệp kèm theo do ông Châu Văn Bảo (Phó Hiệu trưởng) chủ trì cuộc họp.

⁵⁸ Chi tiết tại **Phụ lục V** kèm theo

⁵⁹ Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

b) Nhà giáo được phân công giảng dạy môn Kỹ năng mềm không có trình độ chuyên môn phù hợp.

c) Một số lớp do nhà giáo Nguyễn Mai Chinh (*Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế*) thể hiện trên thời khóa biểu chỉ có giảng dạy 55 tiết / 60 tiết thuộc chương trình đào tạo.

d) Việc Trường ký Hợp đồng liên kết đào tạo với Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế có nhiều nội dung ghi nhận như sau:

- Nội dung Biên bản thanh lý Hợp đồng có thời gian tổ chức lớp đào tạo không phù hợp với thời gian tổ chức lớp học trong thời khóa biểu.

- Nhiều hợp đồng liên kết đào tạo có cùng thời gian thực hiện, cùng thời lượng thực hiện, cùng chương trình đào tạo nhưng được chia thành các Hợp đồng khác nhau với giá trị hợp đồng dưới 200 triệu đồng (*mỗi Hợp đồng có căn cứ một Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu riêng*).

- Các Hợp đồng đào tạo có thông tin về căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Trường nhưng Công thông tin đấu thầu quốc gia không có đăng tải các thông tin liên quan đến Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu

đ) Các bài thi kết thúc môn không thực hiện quy trình đánh phách, cắt phách. Các bài thi được đóng dấu chữ ký của giám khảo, việc chấm bài sơ sài, không chấm điểm chi tiết.

4.5.5. Nhận xét, đánh giá

4.5.5.1. Đối với công tác tuyển sinh

a) Trường có thực hiện 01 số nội dung theo quy định liên quan đến công tác tuyển sinh như: đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh; ban hành Quy chế tuyển sinh; thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh hàng năm; ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển của từng Khóa; lưu trữ hồ sơ tuyển sinh.

b) Còn có Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh do không do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký ban hành mà do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng ký ban hành.

c) Quyết định công nhận trúng tuyển của từng Khóa có nội dung thể hiện việc ban hành dựa theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo, không thể hiện nội dung kết luận của Hội đồng tuyển sinh.

d) Còn có hồ sơ nhập học của người học không đầy đủ theo quy định; có hồ sơ mâu thuẫn về mặt thời gian so với Quyết định công nhận trúng tuyển⁶⁰.

đ) Việc tổ chức họp và ghi biên bản của Hội đồng tuyển sinh còn có nhiều nội dung không phù hợp như: không chốt số lượng người học được trúng tuyển; số lượng người học được trúng tuyển không thống nhất với Quyết định công nhận

⁶⁰ Khóa 21C1-CCK3

trúng tuyển; có phiên họp Hội đồng tuyển sinh do Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì nhưng không có văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng; ban hành Quyết định trúng tuyển và Quyết định thành lập lớp trước khi Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp.

e) Thực hiện tuyển sinh và ban hành Quyết định công nhận trúng tuyển sai đối tượng tuyển sinh.

g) Trong công tác tuyển sinh các lớp liên thông, một số nội dung Trường thực hiện không phù hợp gồm:

(i) Ban hành các Quyết định trúng tuyển có nội dung không phù hợp (*Khóa thực hiện tuyển sinh năm 2022 nhưng các Quyết định công nhận trúng tuyển có thời gian ban hành vào cuối năm 2022, năm 2023, năm 2024, năm 2025*).

(ii) Đối tượng tuyển sinh không phù hợp với trình độ đào tạo (*tốt nghiệp trình độ trung cấp không phù hợp với khối ngành đào tạo trình độ cao đẳng*).

(iii) Thời điểm người học trúng tuyển chưa có trình độ trung cấp để học liên thông lên trình độ cao đẳng (*Khóa học bắt đầu từ ngày 01/11/2022, tuy nhiên hồ sơ học viên có 33 người học có bằng trung cấp vào ngày 18/11/2022; 07 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 09/01/2023 và 01 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 05/5/2023*).

(iv) Quyết định thành lập lớp (*mở lớp*) ban hành trước thời điểm ban hành Quyết định công nhận người học trúng tuyển.

h) Đối với trường hợp của lớp 19T5 – Tin học ứng dụng:

(i) Chỉ tiêu tuyển sinh vượt quy mô được cấp;

(ii) Hồ sơ người học không đầy đủ, cá biệt có trường hợp không nộp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không có học bạ, không có giấy khai sinh,...

i) Đối với các lớp liên kết đào tạo:

- Có lưu trữ hồ sơ tuyển sinh, xét tuyển của các khóa liên kết đào tạo. Tuy nhiên, phần lớn hồ sơ chưa đầy đủ các thành phần theo quy định (*thiếu: giấy khai sinh, học bạ, bản sao bằng tốt nghiệp THCS tạm thời, bản sao hộ khẩu thường trú*); có một số trường hợp học sinh sai ngành học, xét tuyển năm 2023 nhưng có một số giấy đăng ký xét tuyển năm 2024.

- Không có biên bản họp Hội đồng xét tuyển.

- Danh sách trúng tuyển của Trường có sự trùng tên học sinh với Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11 và Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12.

- Trường không ban hành Quyết định thành lập lớp riêng, chỉ cung cấp danh sách lớp hệ trung cấp tại các đơn vị liên kết đào tạo

4.5.5.2. Về quá trình tổ chức đào tạo:

a) Trường có ban hành quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi,

xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Có ban hành thời khóa biểu của Khóa đào tạo.

c) Đối với trường hợp của lớp Tin học ứng dụng (*đối tượng nhập học là cán bộ, nhà giáo, viên chức của Trường*):

(i) Bắt đầu tổ chức hoạt động đào tạo trước khi người học được công nhận trúng tuyển, mở lớp và phê duyệt giáo trình đào tạo của ngành được phê duyệt.

(ii) Khóa học được mở lớp theo hình thức chính quy nhưng được tổ chức đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học (*thời gian đào tạo từ 18 giờ đến 22 giờ hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần bắt đầu từ ngày 26/8/2019*).

(iii) Tổ chức thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp nhưng không có lập Sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; Không quy định nội dung thực hành, thực tập; Kết quả thực hành, thực tập của người học không có xác nhận của doanh nghiệp nơi đến thực tập và các nội dung khác có liên quan tới đào tạo tại doanh nghiệp.

Đồng thời, người học là các cán bộ quản lý, nhà giáo của trường, có lịch làm việc hàng tuần tại Trường trong thời gian thực tập và có lịch học buổi tối các ngày trong tuần trong thời gian thực tập. Do đó có sự mâu thuẫn về thời gian làm việc và thời gian thực tập của Lớp.

(iv) Thời gian đào tạo của chỉ 09 tháng, không đảm bảo thời gian đào tạo hệ trung cấp đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: từ 01 năm đến 1,5 năm theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nhà trường tại Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT.

d) Đối với trường hợp của lớp 21C1-CCK3:

(i) Thời khóa biểu cung cấp cho Đoàn kiểm tra chỉ thể hiện 32 môn học/35 môn học thuộc kế hoạch đào tạo.

(ii) Trường tổ chức đào tạo cho học sinh trước khi có Quyết định trúng tuyển.

đ) Đối với các lớp đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng

(i) Đối với lớp 24C2-ANM1, Trường có ban hành thời khóa biểu của khóa học, tuy nhiên thời gian khóa học trong chương trình đào tạo liên thông cao đẳng ngành An ninh mạng là 1,5 năm, không đảm bảo theo Quy chế tuyển sinh (liên thông học 1 năm).

(ii) Đối với lớp 22C2B-CNÔ1, Trường tổ chức đào tạo cho người học trước khi có Quyết định trúng tuyển và chưa phù hợp với tiến độ đào tạo chung của Khóa.

(iii) Trường chưa quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập theo quy định tại Điều 7, Điều 12 Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017.

e) Đối với các lớp liên kết đào tạo

(i) Trường có ký kết biên bản ghi nhớ và ký kết hợp đồng liên kết đào tạo với các đơn vị liên kết đào tạo.

(ii) Không thu thập được các hồ sơ liên quan đến việc quản lý sử dụng tài sản công của các đơn vị công lập thực hiện liên kết đào tạo với Trường.

(iii) Việc tổ chức đào tạo tại các địa điểm liên kết (*ngoài trụ sở ghi trong giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường*) không được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

(iv) Trường không thực hiện việc báo cáo theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

g) Hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng không đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

h) Xét miễn học các môn chung (*Tiếng Anh, Tin học, Pháp luật, Chính trị, ...*) không đúng quy định.

i) Tổ chức giảng dạy không đúng theo Chương trình đào tạo đã ban hành⁶¹.

k) Nhà giáo được phân công giảng dạy môn Kỹ năng mềm không có trình độ chuyên môn phù hợp

4.5.5.3. Về việc thi kết thúc môn, thi tốt nghiệp, xét và công nhận tốt nghiệp cho người học

a) Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và cho điểm đối với người học được ghi nhận trong Sổ tay giáo viên. Tuy nhiên, đối với môn học Kỹ năng mềm do nhà giáo Nguyễn Mai Chinh giảng dạy, không có Sổ tay giáo viên, không ghi nhận việc kiểm tra thường xuyên, định kỳ nhưng người học vẫn có điểm đánh giá.

b) Đối với việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun:

- Trường tổ chức thi kết thúc môn học mà không có danh sách người học đủ và không đủ điều kiện dự thi.

- Có lịch thi tập trung ở các môn học lý thuyết.

- Môn học thực hành không có lịch thi nhưng vẫn có điểm thi.

- Bài thi trên giấy của người học có nhiều điểm không phù hợp với quy định tổ chức thi của Trường như: bài thi không thực hiện đánh phách, cắt phách; bài thi thiếu chữ ký của giám khảo; bài thi được giám khảo chấm sơ sài, không đánh

⁶¹ (1) Các môn thực hành thuộc Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô ban hành kèm Quyết định số 957/QĐ-LTT ngày 30/12/2022, trong chương trình đào tạo quy định thời lượng dành cho kiểm tra là 0 giờ, nhưng người học vẫn có điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; (2) Môn học Kỹ năng mềm do nhà giáo Nguyễn Mai Chinh (Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế) thể hiện trên thời khóa biểu chỉ có giảng dạy 55 tiết / 60 tiết thuộc chương trình đào tạo

giá điểm chi tiết, chỉ ghi điểm tổng.

c) Đối với việc tổ chức thi tốt nghiệp:

- Trường không ban hành danh sách người học đủ điều kiện dự thi và không đủ điều kiện dự thi;

- Trường ban hành thông báo về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp của sinh viên các khóa.

d) Nhà trường có ban hành các Quyết định thành lập/kiện toàn Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh các khóa.

đ) Xét tốt nghiệp cho người học (*lớp 19T5*) khi chưa hoàn thành chương trình đào tạo;

e) Xét công nhận tốt nghiệp cho người học (*lớp 19T5*) khi chưa đủ điều kiện;

g) Trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp nhưng không tổ chức họp xét tốt nghiệp;

h) Nhân sự chủ trì các phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp không là Chủ tịch Hội đồng và không được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền điều hành các phiên họp của Hội đồng.

i) Có tổ chức cấp bằng cho người học được công nhận tốt nghiệp nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện được cấp bằng do nhà trường quy định. Có trường hợp người học chưa ký nhận văn bằng nhưng có bản sao văn bằng trong hồ sơ lưu trữ.

Đồng thời có trường hợp người học đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp nhưng Trường chưa tổ chức cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình (đối với tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ) theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

k) Khi tổ chức xét tốt nghiệp, Trường chỉ nhập thông tin năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của người học vào phần mềm quản lý của Trường, không có hồ sơ minh chứng như quy định của Trường.

4.5.5.4. Về việc biên soạn, thẩm định, ban hành Chương trình đào tạo, Giáo trình đào tạo

a) Mặc dù có quy định về năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp (*về kỹ năng nghề, năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin*) nhưng Trường không thực hiện việc xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

b) Trường có thành lập Ban biên soạn chương trình đào tạo; Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Có tổ chức họp Hội đồng thẩm định và lập Biên bản họp; Có ban hành Chương trình đào tạo;

c) Tên và chức danh các thành viên Hội đồng thẩm định không đúng theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

d) Hồ sơ không có minh chứng thể hiện trình độ, năng lực của thành viên biên soạn chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017;

đ) Cơ cấu Hội đồng thẩm định chưa đảm bảo theo quy định.

e) Hồ sơ không có minh chứng thể hiện tiêu chuẩn, năng lực của thành viên Hội đồng thẩm định theo quy định tại Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

g) Hồ sơ họp Hội đồng thẩm định không có phiếu biểu quyết và phiếu thẩm định của từng thành viên Hội đồng thẩm định.

h) Hiệu trưởng nhà trường ban hành Chương trình đào tạo nhưng không kèm theo Chương trình chi tiết. Các chương trình chi tiết do Trưởng Khoa ký duyệt nội dung.

i) Thành viên đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham gia các phiên họp Hội đồng thẩm định, được ghi nhận tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định thể hiện nội dung không phù hợp thực tế.

5. Kết luận về những nội dung đã tiến hành kiểm tra, xác minh

5.1. Đối với các thông tin phản ánh về việc thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của trường

a) Trường hợp khai báo lý lịch không trung thực và gian lận sức khỏe để được bổ nhiệm đối với trường hợp của ông Đinh Văn Đệ

Đoàn kiểm tra không thực hiện việc kiểm tra, xác minh nội dung phản ánh này do ông Đinh Văn Đệ là cán bộ thuộc diện quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bổ nhiệm.

Đồng thời tại Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

“2. Nội dung ủy quyền cụ thể

a) Phê duyệt quy chế hoạt động của Hội đồng trường Cao đẳng công lập.

b) Quyết định phê duyệt (hoặc điều chỉnh) vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với Trường Cao đẳng công lập.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các Trường Cao đẳng công lập.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các Trường Cao đẳng công lập theo quy

định của pháp luật.

đ) Quyết định phê duyệt phương án tự chủ tài chính của Trường Cao đẳng công lập.

e) Kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng đúng mục đích nguồn tài chính tại Trường Cao đẳng công lập; quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của Trường Cao đẳng công lập theo quy định của Chính phủ.

g) Xác định phân loại đơn vị và ra quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc; phê duyệt dự toán kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí được để lại chi, kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (nếu có) cho Trường Cao đẳng công lập.”

Các nội dung ủy quyền không có nội dung về công tác cán bộ, vì vậy việc kiểm tra công tác cán bộ đối với trường hợp ông Đinh Văn Đệ không thuộc thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Việc bổ nhiệm người thân của ông Phạm Hữu Lộc – Nguyên Hiệu trưởng trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức

(1) Trường hợp của ông Phan Hữu Tước

- Trường chưa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Về thành phần hồ sơ, Trường chưa thực hiện hồ sơ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Cơ sở pháp lý để Trường áp dụng cho việc bổ nhiệm viên chức đối với ông Phan Hữu Tước không phù hợp

Do đó, việc bổ nhiệm ông Phan Hữu Tước chưa đảm bảo quy định, thông tin phản ánh là có cơ sở.

(2) Trường hợp của ông Phạm Hữu Tấn

Ông Phạm Hữu Tấn được phân công thực hiện vị trí việc làm là Tổ trưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, không thực hiện quy trình bổ nhiệm, đồng thời không hưởng hệ số phụ cấp chức vụ trên bảng lương. Trong thời gian công tác tại Trường (từ tháng 5/2015 đến hết tháng 4/2025) ông Phạm Hữu Tấn làm việc tại Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp.

Quá trình từ khi được tuyển dụng đến khi nghỉ việc do hết tuổi lao động đối với trường hợp của ông Phạm Hữu Tấn thì Trường đã thực hiện theo quy định

Ông Phạm Hữu Tấn không được bổ nhiệm chức vụ Tổ trưởng, không hưởng phụ cấp chức vụ, do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

c) Trường hợp bổ nhiệm viên chức quản lý đối với ông Lương Xuân Thịnh

- Đối với trường hợp bổ nhiệm lần đầu năm 2020, nhà trường thực hiện theo quy định của Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.

- Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM và Hồ sơ bổ nhiệm không có điều kiện tiêu chuẩn của chức vụ quản lý theo quy định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định 29/2012/NĐ-CP.

- Hồ sơ cung cấp 02 bản sơ yếu lý lịch theo mẫu 3a-BNV/2007 kèm Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV và mẫu số 2 theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV là chưa phù hợp theo quy định tại điểm c Khoản 4 Quy định số 321/QyĐ-LTTT-TC (sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV/2008).

- Quy trình thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý đối với trường hợp ông Thịnh, chỉ có danh sách mà không có Quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ quản lý là chưa đúng quy định.

- Đối với việc luân chuyển, điều động bổ nhiệm lại đối với ông Lương Xuân Thịnh, nhà trường thực hiện theo Quy định số 333/QyĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 4 năm 2020 không phù hợp.

Do đó, việc bổ nhiệm ông Lương Xuân Thịnh chưa đảm bảo quy định, thông tin phản ánh là có cơ sở

d) Về việc sử dụng bằng cấp, chứng chỉ không hợp pháp

(1) Trường hợp của ông Nguyễn Trọng Nghĩa

Tại thời điểm kiểm tra, việc không có kết quả thẩm định và công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bằng Tiến sĩ và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Central State cấp cho ông Nguyễn Trọng Nghĩa là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở

(2) Trường hợp của ông Lương Xuân Thịnh

Trước khi ký hợp đồng làm việc với ông Lương Xuân Thịnh, Trường không thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển là chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức. Tại thời điểm kiểm tra, Trường không cung cấp kết quả xác minh đối với chứng chỉ ngoại ngữ (*tại thời điểm tuyển dụng*) của ông Lương Xuân Thịnh.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở

đ) Về việc phân công nhà giáo cơ hữu giảng dạy trên 200 giờ và ký hợp đồng với nhà giáo cơ hữu

- Trường phân công nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định, trong đó: **(1)** năm học 2022 - 2023 có 117 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của 09 khoa với tổng số giờ là 40.773 giờ; **(2)** năm học 2023 - 2024 có 76 giảng viên giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định của 11 khoa với tổng số giờ là 16.884 giờ.

Đặc biệt, có trường hợp nhà giáo Nguyễn Mai Chinh được phân công giảng dạy với khối lượng lớn và sĩ số lớp lớn (*bình quân 350 HSSV/lớp*) trong các năm học, gồm: **(1)** Năm học 2021 – 2022, giảng dạy 5.885 giờ; **(2)** Năm học 2022 – 2023, giảng dạy 4.565 giờ; **(3)** Năm học 2023 – 2024, giảng dạy 2.720 giờ; **(4)** Năm học 2024 – 2025, giảng dạy 2.420 giờ.

- Trường ký hợp đồng thỉnh giảng đối với giáo viên cơ hữu của Trường là chưa đúng quy định tại Điều 71 Luật Giáo dục năm 2019.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

e) Về việc thành lập Tổ xác minh

Tổ xác minh được thành lập theo quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 14 tháng 02 năm 2025 đã thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ trong quá trình hoạt động.

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

g) Về việc điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy

Việc điều chuyển nhân sự trong thời gian sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW đối với trường hợp của ông Lê Xuân Thiện và trường hợp của ông Lâm Viết Dũng là thực hiện trong nội bộ đơn vị, không làm tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, không thực hiện bổ nhiệm mới tại trường. Do đó, không ảnh hưởng đến việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy hiệu lực, hiệu quả Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương, và Trường thực hiện việc điều chuyển nhân sự này đối với ông Lê Xuân Thiện và ông Lâm Viết Dũng là đúng quy định

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

h) Về việc liên quan đến ông Lâm Viết Dũng

(1) Quá trình xử lý kỷ luật viên chức đối với ông Lâm Viết Dũng đã được thực hiện theo trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với viên chức theo Nghị định 71/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở

(2) Việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp và bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ đối với ông Lâm Viết Dũng:

- Trường chưa thực hiện đúng quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ quản lý theo khoản 3 Điều 54 của khoản 31 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

- Còn có hồ sơ chưa đúng theo quy định.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

i) Một số nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường chưa cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan.

- Trường chưa ban hành các quy định liên quan công tác tiếp công dân theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

- Hiệu trưởng không có ban hành Quy chế làm việc của Ban Giám hiệu.

- Trường phân công giảng dạy môn học Kỹ năng mềm cho các nhà giáo không có trình độ chuyên môn phù hợp là chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp⁶² (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

5.2. Đối với các thông tin phản ánh về việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ TOEIC

Trường có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Công ty IEG Việt Nam để thực hiện dịch vụ kiểm tra trình độ sử dụng tiếng Anh của sinh viên bằng chương trình kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra sinh viên theo chuẩn đầu ra Quốc tế, theo đó quy định Công ty IEG có trách nhiệm về chất lượng cũng như tính hợp pháp của bài thi kiểm tra đánh giá năng lực đầu ra theo định hướng bài thi quốc tế theo hình thức mới nhất. Đồng thời, Công ty IEG gửi kết quả thi cho Trường dưới hình thức bảng điểm chung (score roster), có dấu xác nhận của Công ty IEG và Công ty IEG không cung cấp phiếu điểm cá nhân. Trường sử dụng kết quả trên để công nhận chuẩn đầu ra cho các sinh viên sau khi dự thi đạt yêu cầu.

Đối với việc thu học phí, lệ phí của người học ở môn ngoại ngữ (chuẩn đầu ra), Trường căn cứ Điều 5 của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng để tổ chức giảng dạy theo chương trình tự xây dựng phù hợp với trình độ trung cấp và cao đẳng đầu ra của sinh viên, sinh viên có nhu cầu đăng ký học (không bắt buộc), với mức giá thu theo Trung tâm ngắn hạn xây dựng phù hợp được Hiệu trưởng phê duyệt.

Tuy nhiên, Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội không phải là cơ sở pháp lý cho phép tổ chức các khoản thu. Ngoài ra việc sử dụng từ “Phí/Lệ phí” đối với các khoản

⁶² Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2017; được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/12/2020 – hiệu lực thi hành từ ngày 10/3/2021 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 25/6/2024 theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/5/2024

thu phát sinh tại Trường là không đúng với quy định theo Luật phí, lệ phí.

Do đó, thông tin phản ánh việc trường tổ chức thi TOEIC mà không cấp chứng chỉ cho người học là không có cơ sở.

5.3. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý tài chính và miễn giảm học phí của trường

a) Đối với việc tạm thu học phí của người học thuộc đối tượng miễn học phí

(1) Về việc tạm thu học phí

Từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 – 2025, Trường đã tạm thu học phí của 15.943 người học, với tổng số tiền là **158.081.002.420** đồng (*Một trăm năm mươi tám tỉ không trăm tám mươi một triệu không trăm lẻ hai ngàn bốn trăm hai mươi đồng*), đã tiến hành hoàn trả cho 13.921 người học, với tổng số tiền là **137.607.201.263** đồng (*Một trăm ba mươi bảy tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu hai trăm lẻ một ngàn hai trăm sáu mươi ba đồng*) và hiện còn chưa hoàn trả cho 2.022 người học, với tổng số tiền là **20.468.801.157** đồng (*Hai mươi tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu tám trăm lẻ một ngàn một trăm năm mươi bảy đồng*).

Theo báo cáo, Trường có ban hành các Thông báo về việc hoàn trả tiền miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí khi kết thúc năm học và hoàn tất chương trình học của năm học đó (*từ 10 tháng đến 12 tháng*).

Theo báo cáo, việc tạm thu học phí của Trường căn cứ theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm 2020-2021; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Hướng dẫn liên Sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Liên Sở Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021.

Hướng dẫn liên Sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC chỉ áp dụng cho đối tượng là “*các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế*”, nên, việc Trường áp dụng quy định này để thực hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí năm học 2020 – 2021 (*áp dụng theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP*); Sau đó lập và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí để hoàn trả số tiền tạm thu cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học là không đúng quy định.

Tương tự đối với các năm học từ 2021 – 2022 đến 2024 – 2025, việc thực

hiện tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí là không đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

(2) Về khoảng thời gian giữa tạm thu và hoàn trả tạm thu

Việc hoàn trả tiền miễn, giảm học phí chưa được Trường khẩn trương thực hiện và xử lý dứt điểm, dẫn đến số tiền miễn, giảm học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí còn tồn nhiều (do các nguyên nhân như: sinh viên chưa cung cấp số tài khoản để nhận tiền, cung cấp sai số tài khoản,...). Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2025, số tiền miễn, giảm học phí còn tồn chưa hoàn trả là 20.468.801.157 đồng.

(3) Về quản lý và theo dõi số tiền tạm thu

- Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách, số tiền này và các khoản thu khác được Trường gửi vào tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng thương mại theo dõi chung. Trường chưa nộp toàn bộ số thu học phí vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng theo quy định.

Vì lý do trên, tiền lãi ngân hàng phát sinh từ số tiền tạm thu (học phí) không thể tách riêng biệt với số thu của các khoản thu khác.

- Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách. Trường chưa cung cấp và báo cáo số liệu chi tiết về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí).

Do đó, không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ và không có cơ sở để đánh giá Trường có hay không thực hiện trích nguồn thu sự nghiệp đầy đủ để tạo nguồn cải cách tiền lương đối với số tiền tạm thu (học phí) theo quy định.

- Trường thực hiện hạch toán vào tài khoản thu học phí đối với số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí và rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học. Số tiền tạm thu học phí của học sinh, sinh viên đầu năm học được Trường ghi nhận là số thu học phí cùng với số thu học phí của các đối tượng khác không thuộc diện chính sách và được hạch toán vào tài khoản 531 “Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ”. Khoản kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí được rút về tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để hoàn trả cho học sinh, sinh viên khi kết thúc năm học, Trường ghi nhận là khoản phải trả khác và được hạch toán vào tài khoản 338 “Phải trả khác”.

Tuy nhiên, đối với hai khoản tiền nêu trên, Trường có thể hiện số liệu trong sổ sách kế toán nhưng không nêu rõ khoản tạm thu và khoản phải trả (*số tiền tạm*

thu, số tiền tạm thu đã hoàn trả, số tiền tạm thu chưa hoàn trả) trong Thuyết minh báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính hàng năm là không đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

b) Đối với việc cắt xén chương trình để lấy tiền sinh viên thông qua học phí

Sau khi kiểm tra, rà soát các hồ sơ, dữ liệu do Trường cung cấp, phát hiện có trường hợp thời gian đào tạo thể hiện trên thời khóa biểu không đúng với thời lượng môn học (*môn Kỹ năng mềm, thời khóa biểu thể hiện tổng thời gian giảng dạy là 55 tiết, thời lượng môn học là 60 tiết*).

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

c) Đối với việc dấu hiệu trục lợi ngân sách khi tuyển sinh và báo cáo không số lượng học sinh; giữ tên học sinh trong danh sách đang theo học mặc dù đã bỏ học lâu dài

Sau khi kiểm tra, rà soát các hồ sơ, dữ liệu do Trường cung cấp, chưa phát hiện trường hợp báo cáo không số lượng học sinh hoặc giữ tên học sinh trong danh sách đang theo học mặc dù đã bỏ học lâu dài.

Tuy nhiên, phát hiện trường hợp trùng tên học sinh trong danh sách trúng tuyển của Trường với các đơn vị liên kết đào tạo (*Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11, Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12*).

Do đó, chưa đủ cơ sở để đánh giá đối với thông tin phản ánh.

d) Nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

Việc Trường ký Hợp đồng liên kết đào tạo với Công ty Cổ phần GD&ĐT GBI Quốc tế để dạy môn Kỹ năng mềm có nhiều dấu hiệu vi phạm:

- Thời gian tổ chức lớp đào tạo mâu thuẫn giữa Biên bản thanh lý Hợp đồng và Thời khóa biểu của Trường.

- Nhiều hợp đồng liên kết đào tạo có cùng thời gian thực hiện, cùng thời lượng thực hiện, cùng chương trình đào tạo nhưng được chia thành các Hợp đồng khác nhau với giá trị hợp đồng dưới 200 triệu đồng (mỗi Hợp đồng có căn cứ một Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu riêng).

- Các Hợp đồng đào tạo có thông tin về căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Trường nhưng Cổng thông tin đấu thầu quốc gia không có đăng tải các thông tin liên quan đến Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu.

5.4. Đối với các thông tin phản ánh về công tác quản lý và sử dụng tài sản công

a) Về cho thuê tài sản công theo hình thức đấu thầu

Trường thực hiện không đúng chỉ đạo tại Công văn số 57/GDĐT-KHTC đối với việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, chưa thực hiện đấu giá các nội dung:

(1) Cho thuê giữ xe máy (Công ty TNHH SX TM DV XNK Huyện Trăn);

(2) Cho thuê căn tin (Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo KTXD);

(3) Cho thuê sân bóng, bóng rổ (Công ty TNHH Một thành viên DV-ĐT-TM Phong Sơn) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

(4) Cho thuê phòng học và phòng ký túc xá (các tổ chức như: Công ty tư vấn du học OJT; Trường đào tạo doanh nhân CEO; Trung tâm dịch vụ Toyota; Công ty Global Peace International) nhưng chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê.

Việc cho thuê các nội dung trên là chưa đúng hình thức cho thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

b) Về cung cấp dịch vụ Internet Wifi Ký túc xá

Trường ký hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet Wifi Ký túc xá ghi nhận doanh thu khoản thu hộ chi hộ là chưa đúng quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

c) Về cung cấp dịch vụ máy giặt tại Ký túc xá

Trường ban hành Thông báo số 65/TB-LTT-KHTC ngày 11/02/2022 và Thông báo số 320/TB-LTT-KHTC ngày 23/5/2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thu tiền Ký túc xá, theo đó, sinh viên ở Ký túc xá được sử dụng máy giặt miễn phí. Nên nội dung này trường không ghi nhận doanh thu.

Do đó, thông tin phản ánh là không có cơ sở.

d) Nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

Trường tổ chức liên kết đào tạo với các đơn vị sự nghiệp công lập: **(1)** Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Duyên Hải; **(2)** Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước; **(3)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11; **(4)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12; **(5)** Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Theo hồ sơ do Trường cung cấp, không có các hồ sơ minh chứng liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài sản công của các đơn vị liên kết với Trường vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

5.5. Đối với các thông tin phản ánh về hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Về tổ chức tuyển sinh liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng và xét tốt

ng nghiệp cùng lúc 2 trình độ Trung cấp và Cao đẳng

- Các Quyết định trúng tuyển của lớp đào tạo liên thông không phù hợp thời gian đào tạo của Khóa (*Khóa thực hiện tuyển sinh năm 2022 nhưng có các Quyết định công nhận trúng tuyển có thời gian ban hành vào cuối năm 2022, năm 2023, năm 2024, năm 2025*).

- Người học có trình độ trung cấp không phù hợp với chuyên ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (*người học tốt nghiệp trình độ trung cấp: ngành Tin học ứng dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô nhưng lại xét trúng tuyển liên thông trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô*).

- Bằng cấp người học cung cấp không phù hợp với thời gian nhập học của khóa học (*Khóa học bắt đầu từ ngày 01/11/2022, tuy nhiên hồ sơ học viên có 33 người học có bằng trung cấp vào ngày 18/11/2022; 07 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 09/01/2023 và 01 người học có bằng tốt nghiệp trung cấp ngày 05/5/2023*).

- Quyết định thành lập lớp (mở lớp) ban hành ngày 01/11/2022, tuy nhiên, nhiều Quyết định trúng tuyển lớp hệ Cao đẳng liên thông khóa 2022 (22C2B) ngành Công nghệ ô tô có thời gian ban hành sau Quyết định thành lập lớp (*Quyết định số 964/QĐ-LTT-ĐT ngày 30/12/2022; Quyết định số 324/QĐ-LTT-ĐT ngày 05/6/2023; Quyết định số 884/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/12/2023; Quyết định số 374/QĐ-LTT-ĐT ngày 04/7/2024; Quyết định số 694/QĐ-LTT-ĐT ngày 24/10/2024; Quyết định số 122/QĐ-LTT-ĐT ngày 17/3/2025*).

Từ các nội dung trên, việc Trường tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp chưa phù hợp với quy định.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

b) Về việc cắt xén nội dung của một số môn học nhưng vẫn thu học phí đầy đủ của sinh viên (Môn tiếng Anh: 120 tiết nhưng thực tế chỉ tổ chức 75 tiết; Môn phần mềm chuẩn đoán kỹ thuật ô tô: chỉ tổ chức 15 tiết)

Sau khi kiểm tra, rà soát các hồ sơ, dữ liệu do Trường cung cấp, các môn học Tiếng Anh, Phần mềm chẩn đoán kỹ thuật ô tô chưa phát hiện việc cắt xén nội dung, thời lượng môn học như phản ánh.

Tuy nhiên, phát hiện có trường hợp thời gian đào tạo thể hiện trên thời khóa biểu không đúng với thời lượng môn học (*môn Kỹ năng mềm, thời khóa biểu thể hiện tổng thời gian giảng dạy là 55 tiết, thời lượng môn học là 60 tiết*).

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

c) Về việc liên kết đào tạo trái phép với các Trung tâm Giáo dục thường xuyên tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong năm 2023 và năm 2024

Trường tổ chức liên kết đào tạo với các đơn vị sự nghiệp công lập: **(1)** Trung tâm GDNN-GDTX Huyện Duyên Hải; **(2)** Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước; **(3)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11; **(4)** Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12; **(5)** Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Việc tổ chức đào tạo tại các địa điểm liên kết (ngoài trụ sở ghi trong giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường) không được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Theo báo cáo của Trường, hoạt động liên kết đào tạo này của Trường được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH: “...Trường hợp việc liên kết chỉ thực hiện đào tạo một hoặc một số nội dung học tập trong chương trình đào tạo thì không cần phải đăng ký hoặc đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp;”.

Tuy nhiên, đối với hoạt động liên kết đào tạo này, Trường không thực hiện việc báo cáo theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

d) Về việc Trường ban hành Quy chế đào tạo nhưng thực hiện không đúng với các quy định do Trường ban hành

- Mặc dù có quy định về năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp (về kỹ năng nghề, năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin) nhưng Trường không thực hiện việc xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Khi tổ chức xét tốt nghiệp, Trường chỉ nhập thông tin năng lực ngoại ngữ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của người học vào phần mềm quản lý của Trường, không có hồ sơ minh chứng như quy định của Trường.

- Tổ chức giảng dạy không đúng theo Chương trình đào tạo đã ban hành (Các môn thực hành thuộc Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Ô tô ban hành kèm Quyết định số 957/QĐ-LTT ngày 30/12/2022, trong chương trình đào tạo quy định thời lượng dành cho kiểm tra là 0 giờ, nhưng người học vẫn có điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ; Môn học Kỹ năng mềm do nhà giáo Nguyễn Mai Chinh thể hiện trên thời khóa biểu chỉ có giảng dạy 55 tiết / 60 tiết thuộc chương trình đào tạo).

- Bài thi trên giấy của người học có nhiều điểm không phù hợp với quy định tổ chức thi của Trường như: bài thi không thực hiện đánh phách, cắt phách; bài thi thiếu chữ ký của giám khảo; bài thi được giám khảo chấm sơ sài, không đánh giá điểm chi tiết, chỉ ghi điểm tổng.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

đ) Về việc xây dựng, biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo không đúng quy định. Có dấu hiệu làm giả hồ sơ, khai khống thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước để đủ thành phần và các thành viên này chưa từng tham dự thẩm định chương trình đào tạo theo biên bản thẩm định

- Tên và chức danh các thành viên Hội đồng thẩm định không đúng theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017.

- Hồ sơ không có minh chứng thể hiện trình độ, năng lực của thành viên biên soạn chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017;

- Cơ cấu Hội đồng thẩm định chưa đảm bảo theo quy định.

- Hồ sơ không có minh chứng thể hiện tiêu chuẩn, năng lực của thành viên Hội đồng thẩm định theo quy định tại Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017.

- Hồ sơ họp Hội đồng thẩm định không có phiếu biểu quyết và phiếu thẩm định của từng thành viên Hội đồng thẩm định.

- Hiệu trưởng nhà trường ban hành Chương trình đào tạo nhưng không kèm theo Chương trình chi tiết. Các chương trình chi tiết do Trưởng Khoa ký duyệt nội dung.

- Thành viên đại diện Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham gia các phiên họp Hội đồng thẩm định, được ghi nhận tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định thể hiện nội dung không phù hợp thực tế.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

e) Về việc tổ chức lớp trung cấp tin học cho đội ngũ nhà giáo không đảm bảo quy định, người ký bằng không đúng thẩm quyền

(1) Công tác tuyển sinh

- Hội đồng tuyển sinh có tổ chức họp, ghi biên bản, tuy nhiên, thời gian họp (ngày 10/10/2019) thực hiện sau khi có quyết định trúng tuyển và quyết định thành lập lớp (ngày 03/10/2019).

- Chỉ tiêu tuyển sinh vượt quy mô được cấp (110 người học trúng tuyển / chỉ tiêu 65 người học/năm trình độ trung cấp);

- Hồ sơ người học không đầy đủ, cá biệt có trường hợp không nộp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, không có học bạ, không có giấy khai sinh,...

(2) Công tác đào tạo

- Bắt đầu tổ chức hoạt động đào tạo trước khi người học được công nhận trúng tuyển, mở lớp (Môn học đầu tiên (Kỹ thuật lập trình) bắt đầu từ ngày 26 tháng 8 năm 2019, tuy nhiên, khóa 19T5 được công nhận trúng tuyển và mở lớp từ ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định số 1150/QĐ-LTT-ĐT của Hiệu trưởng trường CĐ LTT TP. HCM) và phê duyệt giáo trình đào tạo của ngành được phê duyệt (Quyết định số 1480A/QĐ-LTT-ĐT ngày 29/11/2019 của Hiệu trưởng trường CĐ LTT TP. HCM).

- Khóa học được công nhận trúng tuyển và mở lớp theo hình thức chính quy nhưng được sắp xếp tiến độ đào tạo và thời khóa biểu theo hình thức vừa làm vừa học, thời gian đào tạo từ 18 giờ đến 22 giờ hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần

bắt đầu từ ngày 26/8/2019.

- Đối với việc thực tập tốt nghiệp, Trường bố trí cho người học thực tập từ ngày 17/02/2020 đến ngày 28/03/2020 tại các doanh nghiệp nhưng không có lập Sơ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp; Không quy định nội dung thực hành, thực tập; Kết quả thực hành, thực tập của người học không có xác nhận của doanh nghiệp nơi đến thực tập và các nội dung khác có liên quan tới đào tạo tại doanh nghiệp. Đồng thời, người học là các cán bộ quản lý, nhà giáo của trường, có lịch làm việc hàng tuần tại Trường trong thời gian thực tập và có lịch học buổi tối các ngày trong tuần trong thời gian thực tập. Do đó có sự mâu thuẫn về thời gian làm việc và thời gian thực tập của Lớp.

- Thời gian đào tạo của chỉ 09 tháng (*ngày 26/8/2019 bắt đầu Khóa học và ngày 21/5/2020 xét công nhận tốt nghiệp bậc trung cấp*), không đảm bảo thời gian đào tạo hệ trung cấp đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: từ 01 năm đến 1,5 năm theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nhà trường tại Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT.

- Về hồ sơ, sổ sách sử dụng trong quá trình đào tạo, Trường có sử dụng tiến độ đào tạo, tuy nhiên hình thức đào tạo không đúng theo quy định (*mở lớp hệ chính quy nhưng sử dụng tiến độ đào tạo hình thức vừa làm vừa học*), thời gian và tiến độ khóa học mâu thuẫn với thời gian mở lớp.

- Xét miễn học các môn chung (*Tiếng Anh, Tin học, Pháp luật, Chính trị, ...*) không đúng quy định.

(3) Về việc thi kết thúc môn, thi tốt nghiệp, xét và công nhận tốt nghiệp

- Xét tốt nghiệp cho người học khi chưa hoàn thành chương trình đào tạo.

- Xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

g) Về Các môn học thực hành không tổ chức thi kết thúc môn học mà chỉ lấy điểm kiểm tra làm điểm môn học

- Trường tổ chức thi kết thúc môn học mà không có danh sách người học đủ và không đủ điều kiện dự thi.

- Môn học thực hành không có lịch thi nhưng vẫn có điểm thi.

Do đó, thông tin phản ánh là có cơ sở.

h) Nội dung phát hiện trong quá trình kiểm tra, xác minh

- Quyết định công nhận trúng tuyển của từng Khóa có nội dung thể hiện việc ban hành dựa theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh – Đào tạo, không thể hiện nội dung kết luận của Hội đồng tuyển sinh.

- Trường chưa quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập theo quy định tại Điều 7, Điều 12 Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

- Hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng không đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Nhân sự chủ trì các phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp không là Chủ tịch Hội đồng và không được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền điều hành các phiên họp của Hội đồng.

- Có tổ chức cấp bằng cho người học được công nhận tốt nghiệp nhưng phải đảm bảo đủ điều kiện được cấp bằng do nhà trường quy định. Có trường hợp người học chưa ký nhận văn bằng nhưng có bản sao văn bằng trong hồ sơ lưu trữ.

Đồng thời có trường hợp người học đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp nhưng Trường chưa tổ chức cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày người học kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng trong chương trình (đối với tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ) theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH.

- Nhà giáo Nguyễn Mai Chinh giảng dạy môn học Kỹ năng mềm không có Sổ tay giáo viên, không ghi nhận việc kiểm tra thường xuyên, định kỳ nhưng người học vẫn có điểm đánh giá.

6. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng

Không có.

7. Những ý kiến còn khác nhau giữa các thành viên Đoàn kiểm tra

Không có.

8. Kiến nghị biện pháp xử lý

Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo:

a) Giao Sở Nội vụ :

- Thực hiện rà soát hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tham mưu bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng đối với ông Đinh Văn Đệ.

- Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố đã tham mưu thực hiện các hành vi sai phạm tại Mục 5 nêu trên và tổ chức khắc phục các sai phạm.

b) Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc Thành phố về tổ chức hoạt động đúng quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý hoặc đề xuất xử lý kỷ luật các trường hợp sai phạm (nếu có) phát hiện sau quá trình kiểm tra.

c) Ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với 16 hành vi vi phạm của Trường, cụ thể:

- **Hành vi 1:** *Bố trí nhà giáo giảng dạy vượt quá định mức giờ giảng theo quy định, vi phạm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 24 Nghị định số*

88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ⁶³, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không có.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Không có.

- **Hành vi 2**: *Sử dụng nhà giáo, người dạy không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ để giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác hoặc không phù hợp với chuyên môn được đào tạo, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 24 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:*

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không có.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Buộc bố trí, sử dụng nhà giáo đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ và đúng chuyên ngành được đào tạo.

- **Hành vi 3**: *Tuyển sinh sai đối tượng học trình độ cao đẳng, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 11 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:*

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng** đối với hành vi tuyển sinh sai từ 30 người học trở lên;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều này.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển; buộc hoàn trả các khoản đã thu của người học và chịu mọi chi phí hoàn trả đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này nếu hành vi vi phạm không do lỗi của người học hoặc có lỗi của cả đối tượng thực hiện hành vi vi phạm và người học.

- **Hành vi 4**: *Tổ chức đào tạo liên thông không đủ điều kiện theo quy định, vi phạm theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:*

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Đình chỉ hoạt động đào tạo liên thông có thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng đối với ngành, nghề đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với ngành, nghề đào tạo khác khi có hành vi vi phạm quy định tại

⁶³ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

khoản 1 Điều này.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Buộc bảo đảm đủ điều kiện đào tạo liên thông hoặc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, kết quả học tập, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, thu hồi văn bằng tốt nghiệp đã cấp cho người học, hoàn trả các khoản tiền đã thu của người học và chịu mọi chi phí hoàn trả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước.

- **Hành vi 5**: *Không thực hiện chế độ báo cáo thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp theo quy định*, vi phạm theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Buộc ban hành quy định, quy chế; thực hiện chế độ báo cáo, trách nhiệm giải trình hoặc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1, điểm a và d khoản 2 Điều này.

- **Hành vi 6**: *Xây dựng, ban hành chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp không đúng với mục tiêu, cấu trúc, nội dung, không bảo đảm khối lượng kiến thức tối thiểu*, vi phạm theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng** đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: **(1)** Buộc cập nhật, xây dựng, ban hành chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp bảo đảm mục tiêu, cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức tối thiểu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này; **(2)** Buộc giảng dạy bổ sung đủ nội dung, khối lượng kiến thức tối thiểu còn thiếu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

- **Hành vi 7**: *Không tổ chức giảng dạy đúng cấu trúc thời gian đào tạo lý thuyết, thời gian đào tạo thực hành của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo*, vi phạm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Không.

- **Hành vi 8**: *không thực hiện đúng quy trình tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo theo quy định*, vi phạm theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Không.

- **Hành vi 9**: *Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản hồ sơ của người học*, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 28 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Buộc lập hồ sơ, lưu trữ, bảo quản, quản lý hồ sơ, tài liệu của người học theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và c khoản 1 và khoản 3 Điều này.

- **Hành vi 10**: *Không tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ giáo án*, vi phạm theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Không.

- **Hành vi 11**: *Không xây dựng, không sử dụng tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ quản lý học sinh, sinh viên*, vi phạm theo quy định tại Khoản 5, Điều 17 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng**;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung*: Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả*: Buộc xây dựng, sử dụng đủ biểu mẫu, sổ sách quản lý đào tạo theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

- **Hành vi 12**: *Xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định*, vi phạm theo quy định tại Khoản 5, Điều 16 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính*: **Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng**

đồng;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung:* Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả:* Buộc hủy bỏ kết quả xét công nhận tốt nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

- **Hành vi 13:** *Tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy định*, vi phạm theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính:* **Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng** đối với hành vi vi phạm từ 11 người học trở lên;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung:* Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả:* Buộc tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá lại kết quả học tập của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

- **Hành vi 14:** *Cấp phát văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn*, vi phạm theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 22 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính:* **Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;**

+ *Hình thức xử phạt bổ sung:* Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả:* Buộc cấp phát văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

- **Hành vi 15:** *Bố trí số lượng người học vượt quá quy mô lớp học theo quy định*, vi phạm theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính:* **Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng** khi vượt quá quy mô lớp học từ 50% trở lên;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung:* Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả:* Không.

- **Hành vi 16:** *Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, thi, chấm thi*, vi phạm theo quy định tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 16 Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022, gồm:

+ *Hình thức xử phạt chính:* **Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng** đối với hành vi tổ chức chấm kiểm tra, chấm thi sai quy định nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ *Hình thức xử phạt bổ sung:* Không.

+ *Biện pháp khắc phục hậu quả:* Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c và đ khoản 2 và khoản 3 Điều này.

d) Chuyển Công an Thành phố để tiếp tục, điều tra làm rõ các dấu hiệu sai phạm của Trường ở các nội dung:

- Công tác quản lý, sử dụng tài chính công (*việc tạm thu học phí, hoàn trả học phí tạm thu, sổ sách kế toán, ...*);

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công;

- Việc thực hiện các quy định liên quan Luật Đầu thầu.

đ) Giao Hiệu trưởng (Quyền Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng phụ trách) Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các nội dung:

- Thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Quyết định xử phạt hành chính.

- Rà soát hồ sơ, giải quyết theo thẩm quyền đối với các trường hợp:

- + Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý không đảm bảo quy định pháp luật;

- + Việc cho thôi chức vụ và bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ đến hết nhiệm kỳ;

- + Việc tuyển dụng, sử dụng nhân sự nhưng không đảm bảo quy định pháp luật trong việc sử dụng bằng cấp, chứng chỉ.

- + Việc ký hợp đồng thỉnh giảng đối với nhà giáo cơ hữu của Trường;

- + Việc xét miễn học các môn học chung cho người học của Trường;

- + Việc xét tốt nghiệp nhưng người học chưa hoàn thành chương trình đào tạo;

- Tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xảy ra các sai phạm, thiếu sót trong quá trình tổ chức tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng cho người học.

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn kiểm tra xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở;
- Thành viên Đoàn kiểm tra;
- Lưu: Hồ sơ Đoàn kiểm tra.

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Chí Thành

Phụ lục I
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Kèm theo Báo cáo Kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Về trình độ chuyên môn

TT	Đối tượng	Tổng (1) = (3)+(4)+ (5)+(6)	Chia theo học hàm, học vị				
			GS/PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Dưới ĐH
			(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Ban giám hiệu	3		2	1		
2	Cán bộ quản lý (Trường/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường)	37		5	28	4	
3	Nhà giáo cơ hữu	172			127	45	
4	Nhà giáo thỉnh giảng	144		1	57	86	
5	Nhân viên, người lao động	112		1	6	63	42
TỔNG CỘNG		468		9	219	198	42

2. Về nghiệp vụ sư phạm

TT	Đối tượng	Tổng	Chia theo trình độ				
			NVSP bậc 1	NVSP bậc 2	Sư phạm dạy nghề	Sư phạm ĐH-CĐ	Tốt nghiệp ĐHSPKT, ĐHSP
1	Ban giám hiệu	3				3	
2	Cán bộ quản lý (Trường/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường)	36			3	33	
3	Nhà giáo cơ hữu	172			30	137	5
4	Nhà giáo thỉnh giảng	144		3	8	91	42
5	Nhân viên, người lao động	20	1	2	2	15	
TỔNG CỘNG		375	1	5	43	279	47

3. Về năng lực ngoại ngữ

TT	Đối tượng	Tổng	Chia theo trình độ (khung năng lực ngoại ngữ quốc gia)				
			Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5
1	Ban giám hiệu	3			1		2
2	Cán bộ quản lý (Trường/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường)	37		2	12		23
3	Nhà giáo cơ hữu	172		43	72	11	46
4	Nhà giáo thỉnh giảng	82	1	29	34	5	13
5	Nhân viên, người lao động	81	3	51	10	3	14
TỔNG CỘNG		375	4	125	129	19	98

4. Về năng lực công nghệ thông tin

TT	Đối tượng	Tổng	Chia theo trình độ				
			<i>CNTT cơ bản</i>	<i>CNTT nâng cao</i>	<i>Cao đẳng</i>	<i>Đại học</i>	<i>Chứng chỉ quốc tế</i>
1	Ban giám hiệu	3	1	2 (TC)			
2	Cán bộ quản lý (<i>Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Tổ cấp trường</i>)	37	13	16 (TC)			2
3	Nhà giáo cơ hữu	172	100	37 (TC)	1	7 ĐH, 10 ThS	17
4	Nhà giáo thỉnh giảng	127	79	6	1	31 (ĐH), 6 (ThS)	4
5	Nhân viên, người lao động	80	43		23	2	12
TỔNG CỘNG		419	236	61	25	56	35

Phụ lục II
NỘI DUNG CHO THUÊ GIỮ XE MÁY

(Kèm theo Báo cáo Kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
1	C/HP/01042	24/01/2022	Tổ chức chương trình tết đoàn tụ năm 2022	20.000.000
2	C/K/02010	20/02/2023	Mua cây cảnh trang trí nhà hiệu bộ HĐ 282 ngày 15/02/2023	5.500.000
3	C/K/12029	14/12/2023	Mua máy pha cà phê cho nhà hiệu bộ phục vụ cho các cuộc họp và hội nghị HĐ 1122 ngày 08/12/2023	8.156.500
4	C/HP/01034	17/01/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T1/2023	2.800.000
5	C/K/03008	10/03/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T2/2023	8.000.000
6	C/K/04006	10/04/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T3/2023	10.800.000
7	C/K/05001	04/05/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T4/2023	9.600.000
8	C/K/05014	25/5/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T5/2023	9.600.000
9	C/K/05020	29/5/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 22-23-24-25-26/05/2023	3.170.000
10	C/K/06023	29/6/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 19-20-21-22-23-24/06/2023	3.695.000
11	C/K/07003	06/07/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T6/2023	10.800.000
12	C/K/07006	11/07/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 26-27-28-29-30/06/2023	2.775.000
13	C/K/07009	11/07/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 03-04-05-06-07/07/2023	3.135.000
14	C/K/07016	24/07/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 10-11-12-13-14-15/07/2023	3.785.000
15	C/K/08003	04/08/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T7/2023	10.400.000
16	C/K/08013	14/08/2023	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách	1.100.000
17	C/K/08030	31/8/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T8/2023	10.800.000
18	C/K/09024	27/09/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 18-19-20-21-22/09/2023	3.160.000
19	C/K/09029	29/09/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T9/2023	9.200.000
20	C/K/10026	26/10/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T10/2023	10.400.000
21	C/K/12004	04/12/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T11/2023	10.000.000
22	C/K/12062	30/12/2023	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T12/2023	10.400.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
23	C/K/01007	10/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 02-03-04-05-06/01/2024	2.980.000
24	C/K/020010	06/02/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T01/2024	10.000.000
25	C/K/030026	30/3/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T03/2024	10.400.000
26	C/K/110031	29/11/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T10/2024	8.100.000
27	C/K/120023	25/12/2024	Bồi dưỡng dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ phân luồng giao thông T11/2024	7.800.000
			Tổng cộng	206.556.500

Phụ lục III
NỘI DUNG CHO THUÊ CĂN TIN

(Kèm theo Báo cáo Kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
1	C/HP/02020	21/02/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 07-11/02/2022	2.265.000
2	C/K/02021	22/02/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 14-18/02/2022	2.185.000
3	C/K/03001	01/03/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 21-25/02/2022	2.295.000
4	C/HP/03041	23/03/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 14-18/03/2022	2.315.000
5	C/K/03025	31/03/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 21-25/03/2022	2.305.000
6	C/K/06007	06/06/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 23-27/6/2022	2.430.000
7	C/K/06015	21/06/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 13-17/6/2022	2.475.000
8	C/K/08046	11/8/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 01,05/8/2022	2.450.000
9	C/K/011008	03/11/2022	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH ngày 24-28/10/2022	2.940.000
10	C/K/01012	18/01/2023	Mua vật dụng nhà bếp cho nhà hiệu bộ theo HD 29 ngày 11/01/2023	6.930.000
11	C/K/12047	26/12/2023	Mua vật dụng cho nhà hiệu bộ theo HD 73042 ngày 19/12/2023	539.000
12	C/K/030025	29/03/2024	Mua nệm để phòng khách của trường theo HD 4871 ngày 25/03/2024	19.380.001
13	C/K/050026	28/05/2024	Mua VPP cho phòng họp và phòng BGH theo HD 777 ngày 23/5/2024	4.301.000
14	C/K/010005	10/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 25-26-27-28-29-30/12/2023	3.675.000
15	C/K/010020	19/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 08-09-10-11-12/01/2024	3.065.000
16	C/K/010026	25/01/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-17-18-19/01/2024	3.155.000
17	C/K/020003	02/02/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 22-23-24-25-26/01/2024	3.160.000
18	C/K/020018	29/02/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 05, 06, 07, 16/02/2024	2.120.000
19	C/K/020021	29/02/2024	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách và hội họp cho P. Tổ chức Hành chính Tổng hợp	1.1.00.000
20	C/K/030008	08/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 26, 27, 28, 29/02/2024; 01/03/2024	3.155.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
21	C/K/030012	14/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 04-05-06-07-08/03/2024	3.235.000
22	C/K/030019	26/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 11-12-13-14-15/03/2024	3.130.000
23	C/K/030028	30/03/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 18-19-20-21-22/03/2024	3.195.000
24	C/K/040004	03/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 25-26-27-28/03/2024	2.545.000
25	C/K/40014	15/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 01-02-03-04-05/04/2024	3.130.000
26	C/K/040020	19/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 08-09-10-11-12/04/2024	3.085.000
27	C/K/040024	25/04/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-17-19/04/2024	2.465.000
28	C/K/050003	07/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 22-23-24-25-26/04/2024	3.220.000
29	C/K/050006	09/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 02-03-04 05/05/2024	1.700.000
30	C/K/050019	23/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 06-07-08-09-10/05/2024	3.020.000
31	C/K/050021	23/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 13-14-15-16-17/05/2024	2.330 000
32	C/K/050025	28/05/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 21-22-23-24-25/05/2024	3.085.000
33	C/K/060007	11/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 27, 30/5/2024	1.245.000
34	C/K/060009	14/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 03-04-05-06-07/06/2024	3.110.000
35	C/K/060011	18/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 10-11-12-13-14-15/06/2024	3.445.000
36	C/K/060018	28/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 17-18-19-20-21/06/2024	3.250.000
37	C/K/060022	29/06/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 24-25-26-27-28/06/2024	3.145.000
38	C/K/070016	09/07/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 24-25-26-27-28/06/2024	3.720.000
39	C/K/070028	19/07/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 8-9-10-11-12-13/07/2024	3.770.000
40	C/K/070034	22/07/2024	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách và hội họp cho P. Tổ chức Hành chính Tổng hợp	1.100.000
41	C/K/070038	23/07/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-17-18-19-20/07/2024	3.750.000
42	C/K/080001	02/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 22-23-24-25-26-27/07/2024	3.780.000
43	C/K/080009	08/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 31/7, 01, 02, 03/8/2024	2.355.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
44	C/K/080016	19/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 0-06-07-08-09/8/2024	3.220.000
45	C/K/080023	22/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 12, 13, 14, 15, 16/8/2024	3.310.000
46	C/K/080039	29/08/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 19, 20, 21, 22, 23/8/2024	3.225.000
47	C/K/090003	09/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 26-27-28-29-30/08/2024	3.235.000
48	C/K/090005	10/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 04, 05, 06/9/2024	1.915.000
49	C/K/090015	25/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 09, 10, 11, 12, 13/9/2024	3.235.000
50	C/K/090016	26/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 16, 17, 18, 19, 20/9/2024	3.165.000
51	C/K/090024	30/09/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 23, 24, 25, 26. 27/9/2024	3.375.000
52	C/K/100010	09/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 30/9 và 01, 02, 03, 04/10/2024	3.205.000
53	C/K/100012	16/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 07, 08, 09, 10, 11/10/2024	3.315.000
54	C/K/100023	25/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 14, 15, 16, 17, 18/10/2024	3.305.000
55	C/K/100029	30/10/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 21, 22, 23, 24, 25/10/2024	3.285.000
56	C/K/110001	04/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 28-31/10/2024 và 01-02/11/2024	3.735.000
57	C/K/110010	14/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 04, 05, 06, 07, 08/11/2024	2.755.000
58	C/K/110016	19/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 11, 12, 13, 14, 15/11/2024	2.765.000
59	C/K/110017	19/11/2024	Thanh toán tiền mua trà tiếp khách và hội họp cho P. Tổ chức Hành chính Tổng hợp	1.000.000
60	C/K/110023	25/11/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 18, 19, 20, 21, 22/11/2024	2.805.000
61	C/K/110024	25/11/2024	Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội thanh niên khỏe NH 2024-2025 theo CV số 124-CV/ĐTN-LTT ngày 07/11/2024_in giấy chứng nhận	6.048.000
62	C/K/110024	25/11/2024	Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức Ngày hội thanh niên khỏe NH 2024 2025 theo CV số 124-CV/DTN-LTT ngày 07/11/2024 Vả dụng bao bố, dây	1.695.000
63	C/K/120005	05/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 25, 26, 27, 28, 29/11/2024	2.795.000
64	C/K/120008	16/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho	2.820.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
			BGH các ngày 02, 03, 04, 05, 06/12/2024	
65	C/K/120014	18/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 09, 10, 11, 12, 13/12/2024	2.180.000
66	C/K/120018	21/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 16, 17, 18, 19, 20/12/2024	2.350.000
67	C/K/120024	27/12/2024	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 23, 24, 25, 26, 27/12/2024	2.675.000
			Tổng cộng	210.463.001

Phụ lục IV
NỘI DUNG CHO THUÊ SÂN BÓNG ĐÁ, BÓNG RỖ

(Kèm theo Báo cáo Kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
1	C/K/01054	26/01/2022	Chi phí tiếp Doanh nghiệp ngày 17/01/2022 theo hóa đơn 82 ngày 24/01/2022	18.469.000
2	C/HP/08058	17/8/2022	Kinh phí BGH mời cơm các đơn vị tài trợ chiến dịch mùa hè xanh năm 2022 theo hóa đơn 164 ngày 04/8/2022	7.256.304
3	C/K/05005	10/5/2023	Thanh toán tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 24-25-26-27-28/4/2023, 04-05/5/2023	3.770.000
4	C/HP/01038	19/01/2023	Thanh toán tiền quà tết tặng các cơ quan chức năng trong các buổi làm việc tại trường theo HĐ 85 ngày 14/01/2023; 11 ngày 07/01/2023; 9 ngày 20/01/2023	46.338.160
5	C/K/02006	13/02/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 06-07-08-09-10/02/2023	3.040.000
6	C/HP/02021	21/02/2023	Chi bổ sung chênh lệch tạm ứng theo PC số C/TU/01010 ngày 11/01/2023; Kinh phí họp mặt CB-GV-CNV trước và sau tết năm 2023	23.500.000
7	C/HP/02036	28/02/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 20-21-22-23-24/02/2023	2.950.000
8	C/K/05008	20/05/2023	Thanh toán tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 08-09-10-11-12/05/2023	3.220.000
9	C/K/05017	29/05/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 15-16-18-19/05/2023	2.195.000
10	C/K/06012	15/06/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 05-06-07-08-09/06/2023	3.175.000
11	C/K/08001	04/08/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 17-18-19-21-22/07/2023	1.830.000
12	C/K/08022	28/08/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 07-08-09-10-11/08/2023	3.020.000
13	C/K/09002	12/09/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 21-22-24-25/08/2023	2.190.000
14	C/K/10010	11/10/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 02-03-04-05-06/10/2023	3.150.000
15	C/K/10016	19/10/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 09-10-11-12-13/10/2023	3.040.000
16	C/K/10027	26/10/2023	Chi tiền hỗ trợ kinh phí Công đoàn Giáo dục thành phố tổ chức Họp mặt CB-GV-NV nghỉ hưu của ngành Giáo dục và Đào tạo TP.HCM NH 2021-2022, NH 2022-2023 ngày 21/10/2023	5.000.000
17	C/K/11023	22/11/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 06-07-08-09-10-11/11/2023	3.650.000

TT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
	Số hiệu	Ngày, tháng		
18	C/K/12052	27/12/2023	Chi tiền cơm làm việc ngoài giờ cho BGH các ngày 18-19-20-21-22-23/12/2023	3.630.000
19	C/K/12058	28/12/2023	Thanh toán tiền mời cơm trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 22/12/2023 theo HĐ 1505 ngày	14.609.160
20	C/K/12059	28/12/2023	Thanh toán chi phí phục vụ buổi làm việc với đoàn cán bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 22/12/2023 theo HĐ 626 ngày 26/12/2023; 1497 ngày 26/12/2023	2.984.020
21	C/HP/010005	08/01/2024	Chi thù lao công tác ngoài giờ tháng 12/2023 cho nhân viên phục vụ P. TC-HC-TH	4.000.000
			Tổng cộng	161.016.644

Phụ lục V
ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP CỦA NGƯỜI HỌC

(Kèm theo Báo cáo Kết quả kiểm tra đột xuất việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Văn bản quy định	Nội dung quy định về kỹ năng, ngoại ngữ, tin học		
		Kỹ năng	Ngoại ngữ	Tin học
1	Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/7/2017	- Trình độ TC: đạt bậc 2/5 của tiêu chuẩn KNNQG - Trình độ CĐ: đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn KNNQG	- Trình độ TC: đạt bậc 1/6 Khung NLNN VN hoặc 300 điểm TOEIC hoặc Chứng chỉ QG trình độ A hoặc GCN do Trường cấp - Trình độ CĐ: đạt bậc 2/6 Khung NLNN VN hoặc 350 điểm TOEIC hoặc Chứng chỉ QG trình độ B hoặc GCN do Trường cấp	- Trình độ TC: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên, chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp - Trình độ CĐ: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên, chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp
2	Quyết định số 696/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/6/2019 (sửa đổi Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/7/2017)	- Trình độ TC: đạt bậc 2/5 của tiêu chuẩn KNNQG - Trình độ CĐ: đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn KNNQG	- Trình độ TC: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Học sinh hệ chính quy: Đạt bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ A1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Học sinh ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. - Trình độ CĐ: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ A2 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Sinh viên ngành chất lượng cao và trọng điểm: Đạt bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh trình độ B1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Sinh viên ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở	- Trình độ TC: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ HS ngành Công nghệ thông tin) - Trình độ CĐ: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ SV ngành Công nghệ thông tin)

TT	Văn bản quy định	Nội dung quy định về kỹ năng, ngoại ngữ, tin học		
		Kỹ năng	Ngoại ngữ	Tin học
			lên, giấy chứng nhận do Trường cấp.	
3	Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18/6/2020	- Trình độ TC: đạt bậc 2/5 của tiêu chuẩn KNNQG - Trình độ CD: đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn KNNQG	- Trình độ TC: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Học sinh hệ chính quy: Đạt bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ A1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Học sinh ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. - Trình độ CD: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ A2 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Sinh viên ngành chất lượng cao và trọng điểm: Đạt bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh trình độ B1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Sinh viên ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp.	- Trình độ TC: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ HS ngành Công nghệ thông tin) - Trình độ CD: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ SV ngành Công nghệ thông tin)
4	Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07/5/2021 (sửa đổi Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/7/2017)	- Trình độ TC: đạt bậc 2/5 của tiêu chuẩn KNNQG - Trình độ CD: đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn KNNQG	- Trình độ TC: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Học sinh hệ chính quy: Đạt bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh trình độ A1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Học sinh ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp.	- Trình độ TC: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ HS ngành Công nghệ thông tin) - Trình độ CD: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ SV ngành Công nghệ thông tin)

TT	Văn bản quy định	Nội dung quy định về kỹ năng, ngoại ngữ, tin học		
		Kỹ năng	Ngoại ngữ	Tin học
			- Trình độ CD: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ A2 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp. + Sinh viên ngành chất lượng cao và trọng điểm: Đạt bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành). + Sinh viên ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn; Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên, giấy chứng nhận do Trường cấp.	
5	Quy định số 186/QyĐ-ĐT-LTT ngày 13/4/2022 (căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/7/2017; Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18/6/2020; Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07/5/2021)	- Trình độ TC: đạt yêu cầu các môn học trong chương trình đào tạo - Trình độ CD: đạt yêu cầu các môn học trong chương trình đào tạo	- Trình độ TC: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 1 do Trường cấp. + Sinh viên ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 1 do Trường cấp. - Trình độ CD: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A2 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 do Trường cấp.	- Trình độ TC: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên hoặc chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ SV ngành Công nghệ thông tin) - Trình độ CD: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên hoặc chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ SV ngành Công nghệ thông tin)

TT	Văn bản quy định	Nội dung quy định về kỹ năng, ngoại ngữ, tin học		
		Kỹ năng	Ngoại ngữ	Tin học
			+ Sinh viên ngành chất lượng cao và trọng điểm: Đạt bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 do Trường cấp. + Sinh viên ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 1 do Trường cấp.	
6	Quyết định số 375/QĐ-ĐT-LTT ngày 08/7/2022		- Trình độ TC: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 1 do Trường cấp. + Sinh viên ngành Tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật: Ngoại ngữ khác với ngôn ngữ sinh viên đang học trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 1 do Trường cấp. - Trình độ CD: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A2 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 do Trường cấp. + Sinh viên ngành chất lượng cao và trọng điểm: Đạt bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B1 hoặc tương đương trở lên	- Trình độ TC: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên hoặc chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin) - Trình độ CD: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên hoặc chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ sinh viên ngành Công nghệ thông tin)

TT	Văn bản quy định	Nội dung quy định về kỹ năng, ngoại ngữ, tin học		
		Kỹ năng	Ngoại ngữ	Tin học
			(được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 do Trường cấp. + Sinh viên ngành Tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật: Ngoại ngữ khác với ngành ngôn ngữ đang học Ngoại ngữ khác trừ Tiếng Anh đạt bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 1 do Trường cấp.	
7	Quyết định số 754/QĐ-ĐT-LTT ngày 17/11/2023 (sửa đổi Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19/7/2017)	- Trình độ TC: Đạt bậc 2/5 của tiêu chuẩn KNNQG - Trình độ CĐ: Đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn KNNQG	- Trình độ TC: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Học sinh hệ chính quy: Đạt bậc 1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 1 do Trường cấp. + Học sinh ngành Tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ tiếng Anh đạt bậc 1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 1 do Trường cấp. - Trình độ CĐ: Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam + Sinh viên hệ chính quy: Đạt bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ A2 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 do Trường cấp. + Sinh viên ngành chất lượng cao và trọng điểm: Đạt bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 do Trường cấp.	- Trình độ TC: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ HS ngành Công nghệ thông tin) - Trình độ CĐ: đạt tiêu chuẩn IC3 hoặc tương đương trở lên; chứng nhận tin học ứng dụng do Trường cấp (trừ SV ngành Công nghệ thông tin)

TT	Văn bản quy định	Nội dung quy định về kỹ năng, ngoại ngữ, tin học		
		Kỹ năng	Ngoại ngữ	Tin học
			+ Sinh viên ngành tiếng Anh: Ngoại ngữ khác trừ tiếng Anh đạt bậc 1 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cao hơn: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1 hoặc tương đương trở lên (được công nhận theo quy định hiện hành) hoặc Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 1 do Trường cấp.	